BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1960/QĐ-ĐHVH	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

Căn cứ Quyết định số 517/TTg ngày 11 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn Hiến; Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của trường Đại học Văn Hiến;

Căn cứ Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ đề xuất của các Khoa/Viện về việc rà soát và hoàn thiện chuẩn đầu ra;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Văn Hiến.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các khoa/Bộ môn, Trưởng các đơn vị và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/h);
- BĐH, VP.BĐH (để b/c);
- Các đơn vị trong trường
- Đăng website;
- Lưu: VT, QLĐT.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960/QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu:

1.1. Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh **Mã ngành:** 7340101

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo

Chương trình nhằm đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh (QTKD) có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm với xã hội. Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, về quản trị kinh doanh hiện đại, những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp; và có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức và phát triển tư duy sáng tạo.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

❖ ***Kiến thức chung:***

- Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước.
- Có hệ thống kiến thức cơ bản và hiện đại về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học quản trị trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

❖ ***Kiến thức chuyên môn:***

- Có kiến thức hiện đại về các nguyên lý nền tảng của quản trị kinh doanh và các chức năng quản trị cơ bản trong doanh nghiệp như quản trị chiến lược, quản trị nhân lực, quản trị tài chính, quản trị marketing, quản trị dự án, quản trị sản xuất và tác nghiệp, quản trị chất lượng,... để phân tích, đánh giá tình hình thị trường, lập kế hoạch và tiến hành khởi nghiệp, tham gia đề xuất và thực hiện các kế hoạch,… cho cá nhân, tổ chức, chính phủ và các tổ chức quốc tế trong môi trường toàn cầu một cách khoa học và có hiệu quả.
- Có kiến thức chuyên sâu về Quản trị để có thể làm việc trong lĩnh vực Quản lý và Kinh doanh: Am hiểu các nguyên lý về hành vi người tiêu dùng, các nguyên lý của

Quản trị, lý thuyết về cạnh tranh, sản xuất, đầu tư và phân phối sản phẩm; hiểu biết các kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.

- Khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh.
- Có kiến thức và khả năng lập luận tư duy theo hệ thống và giải quyết các vấn đề Quản lý và Kinh doanh.

2.2. Về kỹ năng

❖ ***Kỹ năng chung***

- Có kỹ năng làm việc theo nhóm (hình thành nhóm, lập kế hoạch công việc, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau).
- Có kỹ năng giao tiếp xã hội (phân tích và sắp xếp ý tưởng, thực hiện giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục với các cá nhân và tổ chức,...). Đặc biệt, có khả năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp trong lĩnh vực chuyên môn Quản trị kinh doanh để làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế.

❖ ***Kỹ năng chuyên môn***

- Khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh.
- Có kỹ năng tư duy, kỹ năng nhân sự, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt nhu cầu công việc.
- Có năng lực tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả, sẵn sàng hợp tác trong công việc và thiết lập các mối quan hệ công việc với đồng nghiệp và khách hàng.
- Khả năng nhận định tình huống, khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và khả năng ra quyết định để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trách nhiệm công dân, chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và các quy định của tổ chức làm việc.
- Có các phẩm chất đạo đức cá nhân tốt, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn đồng thời có khả năng sáng tạo trong công việc, cập nhật kiến thức.
- Có năng lực tìm tòi, tiếp cận, ứng dụng hiệu quả và sáng tạo các kỹ thuật, kỹ năng và công cụ hiện đại để giải quyết những vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành được đào tạo.
- Có khả năng nhận biết và phân tích ảnh hưởng của các yếu tố môi trường vĩ mô và vi mô đến thị trường và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản trị kinh doanh (gồm 7 chuyên ngành) có khả năng tham gia làm việc tại:

✓ ***Chuyên ngành Quản trị nhân sự:*** Làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức, công ty, tập đoàn kinh tế; trung tâm hỗ trợ việc làm, trung tâm phát triển nguồn nhân

lực; các khách sạn, khu nghỉ dưỡng, resort; các trung tâm đào tạo, tuyển dụng, trường đại học, cao đẳng,...

✓ ***Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp***: Làm việc tại Phòng Kế hoạch, Phòng Marketing, Phòng Kinh doanh, Bộ phận bán hàng của các công ty, tập đoàn trong và ngoài nước; Các cơ quan hành chính - sự nghiệp có liên quan đến kinh doanh hoặc quản lý kinh doanh; Có thể tự thành lập và điều hành công ty riêng.

✓ ***Chuyên ngành Quản trị Marketing***: Làm việc tại Phòng Marketing, Phòng Kinh doanh, Bộ phận bán hàng các công ty; Công ty quảng cáo; Công ty tổ chức sự kiện; Công ty nghiên cứu thị trường; Bộ phận Marketing và quan hệ khách hàng của các Ngân hàng thương mại,..

✓ ***Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Quốc tế:*** Làm việc tại các doanh nghiệp, các đơn vị có hoạt động ngoại thương; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp; Phòng thanh toán quốc tế của các Ngân hàng thương mại; Các chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty nước ngoài ở Việt Nam hoặc công ty Việt Nam ở nước ngoài; Cơ quan hợp tác quốc tế, tổ chức quốc tế; Cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến ngoại giao;..

✓ ***Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Thương mại***: Làm việc tại phòng Kinh doanh, Bộ phận bán hàng các công ty; Công ty tổ chức sự kiện, hội chợ thương mại; Các cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại,…

✓ ***Chuyên ngành Logistics và quản trị chuỗi cung ứng:*** Làm việc tại các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp có các bộ phận như Thu mua, Kế hoạch, Kho vận, Dịch vụ khách hàng, Xuất nhập khẩu, Phân tích các giải pháp tối ưu hóa trong sản xuất và dịch vụ, Thiết kế hệ thống quản lý nguồn lực doanh nghiệp,…

✓ ***Chuyên ngành quản trị dự án:*** Làm việc tại các doanh nghiệp có các bộ phận như Chuyên viên tư vấn dự án, phân tích dự án, quản lý hoạt động kinh doanh, giám đốc quản lý dự án, điều phối viên dự án,...

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Cử nhân Quản trị kinh doanh có khả năng tự học và tự nghiên cứu nâng cao trình độ; có năng lực tiếp tục theo dọc các chương trình đào tạo trình độ sau đại học như thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

5.1. Các chương trình trong nước

- Trường Đại học Kinh tế TP. HCM;
- Trường Đại học Kinh tế quốc dân;
- Trường Đại học mở TP. HCM.

5.2. Các chương trình nước ngoài

- USC Marshall-School of Business (USA);
- Liverpool University (Anh);

- New South Wales University (Úc).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960 /QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu:

1.1. Tên ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc **Mã ngành:** 7220204

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Trung Quốc theo định hướng Du lịch-Thương mại, nhằm đào tạo ra những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về tiếng Trung Quốc và sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc (ít nhất tương đương trình độ C1 theo Khung tham chiếu châu Âu, tức tương đương cấp 5 HSK); có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như năng lực giao tiếp, năng lực xác định vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kĩ năng mềm như kĩ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế, mà ở đó tiếng Trung Quốc được sử dụng như một ngoại ngữ, hay ngôn ngữ quốc tế; có kiến thức về xã hội, văn hóa rộng lớn; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kĩ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc:

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

❖ ***Kiến thức chung:***

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật đại cương, thể chất, quốc phòng – an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.
- Sử dụng tốt tiếng Trung Quốc ở trình độ cấp 5 HSK.
- Nắm vững những kiến thức cơ bản về hệ thống ngữ âm và phương pháp phân tích ngữ âm trong tiếng Trung Quốc; hiểu được các nguyên lý phát âm cơ bản và có năng lực phân tích ngữ âm cũng như tự sửa âm cho bản thân và cho người khác. Nắm được những kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc, hiểu được một cách toàn diện và nắm được những kỹ năng phân tích ngữ nghĩa, để có thể áp dụng vào các văn bản cần biên phiên dịch cho chuẩn xác.
- Nắm vững kiến thức về các vấn đề cơ bản của ngữ pháp tiếng Trung Quốc, có thể phân tích thành thạo các thành phần câu trong câu đơn, phân tích mối quan hệ giữa

các phân câu trong câu phức, từ đó nâng cao kỹ năng biểu đạt, giúp hoàn thiện các kỹ năng tiếng, vận dụng vào việc biên phiên dịch, và đặt nền móng cho việc tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu về chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc ở giai đoạn học sau đại học.

- Nắm được kiến thức cơ bản và hệ thống về đất nước,con người, văn hóa Trung Quốc thông qua các chuyên đề cụ thể về địa lý, lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hóa, phong tục…
- Hiểu được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, giúp người học có thể giao tiếp thành công trong môi trường liên văn hóa, hỗ trợ tích cực cho công tácbiên phiên dịch, hướng dẫn viên du lịch công tác nghiên cứu và các công việc liên quan khác.

❖ ***Kiến thức chuyên môn:***

- Có hiểu biết khái quát về ngành Du lịch - Thương mại. Nắm vững các kiến thức và khái niệm cơ bản được sử dụng trong ngành Du lịch - Thương mại. Nắm được những quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại và du lịch trên nhiều phương diện, những quy tắc lễ nghi trong đàm phán thương mại vàdu lịch nói riêng, trong các hoạt động giao lưu nói chung.
- Nắm vững kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa, lịch sử Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành thương mại và du lịch.
- Thành thạo kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch. Nắm vững kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch cũng như quy phạm về hoạt động hướng dẫn du lịch.
- Nắm bắt các kiến thức ngôn ngữ liên quan đến các tình huống thương mại thường gặp trong hoạt động thương mại quốc tế như đàm phán hợp đồng xuất nhập khẩu, đàm phán hợp tác kinh doanh, tiếp thị sản phẩm hay giải quyết tranh chấp thương mại.
- Thông qua chương trình thực tập, cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ hay kiến thức ngành Du lịch - Thương mại đã học vào công việc thực tiễn tại các cơ quan, văn phòng, công ty… đồng thời mở rộng các kỹ năng cần thiết khác của người phiên dịch, người hướng dẫn viên du lịch, trợ lý làm quen với thực tế thị trường và xã hội, trở nên tự tin với nghề nghiệp hơn.
- Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp sẽ tiến hành một dự án nghiên cứu theo chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Thông qua khối kiến thức tự tìm hiểu để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có cơ hội nghiên cứu sâu về một vấn đề chuyên môn, phát triển khả năng phân tích, tư duy phê phán v.v.. Đối với sinh viên không làm khóa luận, các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp được thiết kế mang tính tổng hợp cao, thông qua đó sinh viên nắm vững và vận dụng được tốt hơn những kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc nói chung và kiến thức định hướng ngành nói riêng.
- Có kiến thức về kỹ năng giao tiếp cũng như văn hóa ứng xử với người Trung Quốc nói chung và giao tiếp trong văn phòng nói riêng.

- Có thêm các kiến thức về một số môn học chuyên ngành như du lịch, thương mại, kế toán, công nghệ thông tin.

2.2. Về kỹ năng

❖ ***Kỹ năng chung***

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lí thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau.
- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo.
- Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lí những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.
- Có khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và đặc biệt là kỹ năng tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp.
- Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.
- Có khả năng áp dụng sáng tạo những kiến thức nền, kiến thức và kỹ năng chuyên môn vào các tình huống khác nhau.

❖ ***Kỹ năng chuyên môn***

- Có năng lực sử dụng tiếng Trung Quốc và có kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết vững vàng bằng tiếng Trung Quốc trong văn phòng và giao dịch trong môi trường kinh tế, thương mại.
- Nắm vững kiến thức cơ bản về giao dịch Thương mại quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế, kinh tế học, kinh tế Trung Quốc, kiến thức tiếng Trung Quốc chuyên ngành trong lĩnh vực này để phục vụ các mục đích nghề nghiệp.
- Có kiến thức kinh tế, thương mại cần thiết để thích ứng với môi trường kinh doanh quốc tế; hiểu biết về văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị và phong tục, văn hóa kinh doanh của Trung Quốc và Việt Nam.
- Có thể thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh thương mại trong môi trường có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh thương mại với Trung Quốc. Có thể vận dụng được kiến thức để đưa ra các quyết định phù hợp trong các tình huống công việc, kinh doanh trong lĩnh vực thương mại.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Yêu nước, tuân thủ luật pháp.
- Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao đối với nghề nghiệp, bản thân, cộng đồng và xã hội.
- Biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến.
- Tôn trọng sự dị biệt trong văn hóa giữa các vùng miền và các quốc gia, dân tộc khác nhau; ứng xử phù hợp trong môi trường giao tiếp quốc tế.

- Hiểu và thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp và không ngừng rèn luyện năng lực nghề nghiệp.
- Hình thành thói quen cập nhật kiến thức, tự học tập và nghiên cứu suốt đời.

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc.
- Biên tập, biên dịch viên, phiên dịch viên các tài liệu, sách báo, thư từ thương mại tiếng Trung Quốc.
- Chuyên viên marketing, tổ chức sự kiện, giao dịch thương mại, văn phòng cho các doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam.
- Chuyên viên hướng dẫn giao dịch.
- Hướng dẫn viên du lịch, lễ tân nhà hàng, khách sạn.
- Tiếp viên hàng không, nhân viên an ninh sân bay.
- Tự phát triển kinh doanh riêng (khởi nghiệp).

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Sinh viên được trang bị thêm tiếng Anh nên có thể làm việc trong các môi trường đa ngôn ngữ.
- Có khả năng tiếp thu và học hỏi nhanh chóng kiến thức mới để phục vụ yêu cầu công việc cũng như tiềm năng cho các vị trí cao hơn.
- Có thể tiếp tục học sau đại học ở các chuyên ngành trong lĩnh vực: ngôn ngữ Trung Quốc, khu vực học, kinh doanh quốc tế, quản lý giáo dục…tại các trường trong nước hoặc nước ngoài.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960 /QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu:

1.1. Tên ngành đào tạo: Ngôn ngữ Pháp **Mã ngành:** 7220203

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

Chương trình ngành Ngôn ngữ Pháp đào tạo cử nhân tiếng Pháp theo định hướng chuyên ngành thương mại. Sinh viên tốt nghiệp yêu cầu giao tiếp tốt, đạt chuẩn tiếng Pháp bậc 5 trong theo năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đồng thời có kiến thức nền cần thiết cho nghề nghiệp như văn hóa, kinh tế, giáo dục, đất nước, xã hội Pháp; có những kĩ năng mềm như kĩ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế, mà ở đó tiếng Pháp được sử dụng như một ngoại ngữ, hay ngôn ngữ quốc tế; có kiến thức về xã hội, văn hóa rộng lớn; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kĩ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Pháp:

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

❖ ***Kiến thức chung:***

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật đại cương, thể chất, quốc phòng - an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.
- Nắm vững kiến thức cơ bản về tiếng Pháp như một hệ thống, bao gồm các kiến thức về ngữ âm và âm vị học, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa và chữ viết, vận dụng được những kiến thức đó trong công việc chuyên môn như dịch thuật, nghiên cứu...
- Nắm vững kiến thức cơ bản về tiếng Pháp với chức năng là phương tiện giao tiếp, áp dụng được các kiến thức đó trong các tình huống giao tiếp xã hội trên quan điểm dụng học, phân tích diễn ngôn hay ngôn ngữ học xã hội.
- Thông qua việc tiếp thu các kiến thức ngôn ngữ, người học phát triển các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và kỹ năng tranh luận v.v... nâng cao vốn từ vựng và các kỹ năng sử dụng tiếng Pháp.

- Nắm vững các kiến thức về văn hóa-xã hội (bao gồm các lĩnh vực lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, giáo dục) của Pháp, của Việt Nam nói riêng và các kiến thức về văn hóa-xã hội của các nước thuộc vùng sử dụng tiếng Pháp nói chung.
- Thông qua việc tiếp thu kiến thức về văn hóa - xã hội, người học phát triển các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và kỹ năng tranh luận, nâng cao vốn từ vựng, các kỹ năng tiếng Pháp.
- Có thể sử dụng thành thạo tiếng Pháp ở trình độ C1 theo Khung tham chiếu châu Âu, có thể sử dụng năng lực này trong biên, phiên dịch và nghiên cứu khoa học.
- Có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng nâng cao trong hoạt động biên phiên dịch và nghiên cứu.

❖ ***Kiến thức chuyên môn:***

- Có hiểu biết khái quát về ngành Du lịch - Thương mại. Nắm vững các kiến thức và khái niệm cơ bản được sử dụng trong ngành Du lịch - Thương mại. Nắm được những quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại và du lịch trên nhiều phương diện, những quy tắc lễ nghi trong đàm phán thương mại và du lịch nói riêng, trong các hoạt động giao lưu nói chung.
- Nắm vững kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa, lịch sử Pháp để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành thương mại và du lịch.
- Thành thạo kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch. Nắm vững kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch cũng như quy phạm về hoạt động hướng dẫn du lịch.
- Nắm bắt các kiến thức ngôn ngữ liên quan đến các tình huống thương mại thường gặp trong hoạt động thương mại quốc tế như đàm phán hợp đồng xuất nhập khẩu, đàm phán hợp tác kinh doanh, tiếp thị sản phẩm hay giải quyết tranh chấp thương mại…

2.2. Về kỹ năng

❖ ***Kỹ năng chung***

- Quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân; thích ứng với sự phức tạp của thực tế; tự đánh giá kết quả công việc, hoàn thành công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp.
- Có năng lực quản lý, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.
- Hình thành nhóm làm việc hiệu quả; vận hành và phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm (quản lý, phân công nhiệm vụ, phối hợp cá nhân trong nhóm, sử dụng các phương pháp động viên...), làm việc trong các nhóm khác nhau.
- Có khả năng lãnh đạo, quản lí những thay đổi hoặc áp dụng những tiến bộ mới trong các hoạt động nghề nghiệp.
- Kĩ năng giao tiếp
- Giao tiếp tốt bằng văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình), truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và viết.

- Có khả năng áp dụng những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tinh tế trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng.

❖ ***Kỹ năng chuyên môn***

- Có năng lực sử dụng tiếng Pháp và có kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết vững vàng bằng tiếng Pháp trong văn phòng và giao dịch trong môi trường kinh tế, thương mại.
- Nắm vững kiến thức cơ bản về giao dịch thương mại quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế, kinh tế học, kinh tế Pháp, kiến thức tiếng Pháp chuyên ngành trong lĩnh vực này để phục vụ các mục đích nghề nghiệp.
- Có kiến thức kinh tế, thương mại cần thiết để thích ứng với môi trường kinh doanh quốc tế; hiểu biết về văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị và phong tục, văn hóa kinh doanh của Pháp và Việt Nam.
- Có thể thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh thương mại trong môi trường có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh thương mại với Pháp. Có thể vận dụng được kiến thức để đưa ra các quyết định phù hợp trong các tình huống công việc, kinh doanh trong lĩnh vực thương mại.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Yêu nước, tuân thủ luật pháp.
- Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao đối với nghề nghiệp, bản thân, cộng đồng và xã hội.
- Biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến.
- Tôn trọng sự dị biệt trong văn hóa giữa các vùng miền và các quốc gia, dân tộc khác nhau; ứng xử phù hợp trong môi trường giao tiếp quốc tế.
- Hiểu và thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp và không ngừng rèn luyện năng lực nghề nghiệp.
- Hình thành thói quen cập nhật kiến thức, tự học tập và nghiên cứu suốt đời.

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Biên dịch, phiên dịch tiếng Pháp
- Giảng dạy Ngôn ngữ Pháp.
- Biên tập viên, biên dịch viên, phiên dịch viên các tài liệu, sách báo, thư từ thương mại tiếng Pháp
- Chuyên viên Marketing, tổ chức sự kiện, giao dịch thương mại, văn phòng cho các doanh nghiệp Pháp tại Việt Nam.
- Chuyên viên hướng dẫn giao dịch.
- Hướng dẫn viên du lịch, lễ tân nhà hàng, khách sạn.
- Tiếp viên hàng không, nhân viên an ninh sân bay.
- Tự phát triển kinh doanh riêng (khởi nghiệp).

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Sinh viên được trang bị thêm tiếng Anh nên có thể làm việc trong các môi trường đa ngôn ngữ.

- Có khả năng tiếp thu và học hỏi nhanh chóng kiến thức mới để phục vụ yêu cầu công việc cũng như tiềm năng cho các vị trí cao hơn.
- Có thể tiếp tục học sau đại học ở các chuyên ngành trong lĩnh vực: ngôn ngữ Pháp, quốc tế học, kinh doanh quốc tế, quản lý giáo dục…tại các trường trong nước hoặc nước ngoài.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960 /QĐ-ĐHVH, ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu:

1.1. Tên ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật **Mã ngành:** 7220209

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo những kiến thức nền tảng, chuyên sâu về ngôn ngữ - văn hóa Nhật Bản để sử dụng bốn kỹ năng nghe - nói - đọc - viết tiếng Nhật thành thạo, lưu loát. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị những kiến thức bổ trợ về kinh tế, ngân hàng, du lịch, quan hệ quốc tế,… để sau khi ra trường có thể tự tin làm việc trong tất cả các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế - xã hội. Bên cạnh những kỹ năng cần thiết như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán, kỹ năng quản lý, kỹ năng làm việc nhóm,... sinh viên còn được rèn luyện về các nguyên tắc trong giao tiếp, ứng xử và thái độ làm việc chuyên nghiệp của người Nhật để dễ dàng hòa nhập với môi trường kinh doanh quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật:

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

❖ ***Kiến thức chung:***

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật đại cương, thể chất, quốc phòng - an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.
- Nắm vững từ kiến thức cơ bản đến kiến thức chuyên sâu về tiếng Nhật. Có trình độ kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng tương đương cấp độ N2 theo thang đánh giá năng lực của chính phủ Nhật Bản, tức tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
- Nắm vững kiến thức nền tảng để chuẩn bị học các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, tiến tới dự thi tốt nghiệp và tạo cơ sở để phát triển sau khi tốt nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của cá nhân sinh viên và xã hội.
- Thành thạo các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được hình thành và củng cố qua các giai đoạn từ tiếng Nhật sơ cấp đến trung cấp, trung - cao cấp và cao cấp. Có thể tự tin trong giao tiếp.
- Có khả năng hiểu được cách nói, cách viết trong các tình huống cụ thể, cũng như có thể thực hiện các bài viết để trình bày, tổng hợp, nghiên cứu… liên quan đến nhiều chủ đề, lĩnh vực khác nhau.

❖ ***Kiến thức chuyên môn:***

- Nắm được những kiến thức cơ bản quan trọng về những đặc trưng ngôn ngữ của tiếng Nhật như: kiến thức về ngữ âm (hệ thống âm, nhịp, trọng âm...), kiến thức về từ vựng, ngữ nghĩa tiếng Nhật (phân loại theo cấu tạo, nguồn gốc, từ đa nghĩa, đồng nghĩa, trái nghĩa...) và kiến thức về ngữ pháp tiếng Nhật.
- Có kiến thức về kỹ năng giao tiếp cũng như văn hóa ứng xử với người Nhật Bản nói chung và giao tiếp trong văn phòng nói riêng.
- Có thêm các kiến thức về một số môn học chuyên ngành như du lịch, thương mại, kế toán, công nghệ thông tin.
- Nắm được các kiến thức cơ bản về đất nước con người, xã hội, kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hóa của người Nhật Bản.
- Nắm được các kiến thức cơ bản về bối cảnh lịch sử, đặc trưng văn hoá, sự ra đời và phát triển của nền văn học Nhật Bản, các đặc điểm chính của nền văn học Nhật Bản, các dòng văn học hay, các khuynh hướng sáng tác, các thể loại văn học trong nền văn học Nhật Bản.
- Có khả năng sử dụng tiếng Nhật thành thạo trong các lĩnh vực kinh doanh và thương mại quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế, tài chính kế toán để có thể làm việc hiệu quả trong môi trường kinh doanh quốc tế và ở các lĩnh vực chuyên môn khác.
- Biết soạn thảo hợp đồng thương mại quốc tế và có thể đàm phán giao dịch thương mại quốc tế.
- Nắm các kiến thức cơ bản về kinh tế, thương mại như kinh tế học, quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản, kinh tế Nhật Bản, văn hóa kinh doanh của Nhật Bản, marketing quốc tế, pháp luật thương mại quốc tế...
- Có hiểu biết về văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị của Nhật Bản.

2.2. Về kỹ năng

❖ ***Kỹ năng chung***

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lí thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau.
- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo.
- Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lí những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.
- Có khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và đặc biệt là kỹ năng tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp.
- Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.

- Có khả năng áp dụng sáng tạo những kiến thức nền, kiến thức và kỹ năng chuyên môn vào các tình huống khác nhau.

❖ ***Kỹ năng chuyên môn***

- Có năng lực sử dụng tiếng Nhật và có kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết vững vàng bằng tiếng Nhật trong văn phòng và giao dịch trong môi trường kinh tế, thương mại.
- Nắm vững kiến thức cơ bản về giao dịch Thương mại quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế, kinh tế học, kinh tế Nhật Bản, kiến thức tiếng Nhật chuyên ngành trong lĩnh vực này để phục vụ các mục đích nghề nghiệp.
- Có kiến thức kinh tế, thương mại cần thiết để thích ứng với môi trường kinh doanh quốc tế; hiểu biết về văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị và phong tục, văn hóa kinh doanh của Nhật Bản và Việt Nam.
- Có thể thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh thương mại trong môi trường có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh thương mại với Nhật Bản. Có thể vận dụng được kiến thức để đưa ra các quyết định phù hợp trong các tình huống công việc, kinh doanh trong lĩnh vực thương mại.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Yêu nước, tuân thủ luật pháp.
- Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao đối với nghề nghiệp, bản thân, cộng đồng và xã hội.
- Biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến.
- Tôn trọng sự dị biệt trong văn hóa giữa các vùng miền và các quốc gia, dân tộc khác nhau; ứng xử phù hợp trong môi trường giao tiếp quốc tế.
- Hiểu và thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp và không ngừng rèn luyện năng lực nghề nghiệp.
- Hình thành thói quen cập nhật kiến thức, tự học tập và nghiên cứu suốt đời.

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Biên dịch, phiên dịch tiếng Nhật
- Chuyên viên marketing, chuyên viên tổ chức sự kiện và giao dịch thương mại tại các đơn vị, công ty truyền thông Nhật Bản.
- Nhân viên tại các công ty du lịch, nhà hàng, khách sạn Nhật Bản
- Chuyên viên hướng dẫn giao dịch, phiên dịch với các đối tác Nhật
- Giảng viên, giáo viên dạy Ngôn ngữ Nhật.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Sinh viên được trang bị thêm tiếng Anh nên có thể làm việc trong các môi trường đa ngôn ngữ.
- Có khả năng tiếp thu và học hỏi nhanh chóng kiến thức mới để phục vụ yêu cầu công việc cũng như tiềm năng cho các vị trí cao hơn.

- Có thể tiếp tục học sau đại học ở các chuyên ngành trong lĩnh vực: ngôn ngữ Nhật Bản, khu vực học, kinh doanh quốc tế, quản lý giáo dục…tại các trường trong nước hoặc nước ngoài.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960/QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

Ngành đào tạo	: Ngôn ngữ Anh; **Mã số:** 7220201
Đơn vị cấp bằng	: Trường Đại học Văn Hiến
Đơn vị đào tạo	: Trường Đại học Văn Hiến
Tên văn bằng	: Cử nhân Ngôn ngữ Anh
Trình độ đào tạo	: Đại học
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Thời gian đào tạo	: 4 năm
Ngôn ngữ đào tạo	: Tiếng Anh và tiếng Việt

1. Mục tiêu

- Mục tiêu chung:

Chương trình Ngôn ngữ Anh đào tạo cử nhân bậc đại học có khả năng sử dụng hiệu quả tiếng Anh tối thiểu ở bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt nam (tương đương trình độ C1 theo Khung năng lực ngôn ngữ chung Châu Âu); có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành đào tạo; có các kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức cần thiết để làm việc trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh như giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch, thương mại – dịch vụ, văn phòng, và quan hệ quốc tế.

- Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức:

PO1: Chương trình trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và công nghệ thông tin; kiến thức vững chắc về ngôn ngữ Anh và văn hóa các nước nói tiếng Anh; kiến thức lý thuyết chuyên sâu và kiến thức thực tế về chuyên ngành được đào tạo như phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh, tiếng Anh biên phiên dịch, tiếng Anh thương mại và quốc tế học. Ngoài ra, chương trình giúp sinh có các kiến thức cần thiết để thực hành nghề nghiệp như kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình thực hiện công việc và các kiến thức cơ bản trong quản lý và điều hành hoạt động chuyên môn của mình.

Kỹ năng:

PO2: Chương trình giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kỹ năng nhận thức, kỹ năng xử lý tình huống và giải quyết vấn đề; khả năng giao tiếp bằng một ngoại ngữ thứ 2 tối thiểu ở bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt nam; các kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong các lĩnh vực thuộc chuyên ngành được đào tạo như giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch, tiếng Anh thương mại, hoặc quốc tế học. Ngoài ra, chương trình cũng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng mềm cần thiết

để có thể thực hiện thành công các nhiệm vụ phức tạp trong công việc như kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình.

Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

PO3: Chương trình giúp sinh viên phát triển khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực chuyên môn. Ngoài ra, chương trình có mục tiêu đào tạo sinh viên trở thành những con người có đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội.

2. Chuẩn đầu ra:

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Kiến thức

- **PLO1.** Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề liên quan đến cuộc sống cá nhân và công việc.
- **PLO2.** Phân tích và đánh giá được các đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa của các nước nói tiếng Anh.
- **PLO3.** Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tế của chuyên ngành được đào tạo để tổ chức các hoạt động nghề nghiệp.
  - **PLO3.1** Chuyên ngành phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, quản lý lớp học, phương pháp kiểm tra đánh giá ngôn ngữ để lập kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, thực hành giảng dạy, đánh giá kết quả học tập của người học và hiệu quả giảng dạy.
  - **PLO3.2** Chuyên ngành tiếng Anh thương mại: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về tiếng Anh chuyên ngành và kiến thức cơ bản về các lĩnh vực kinh tế, thương mại quốc tế, tài chính, văn phòng, nhân sự, marketing, xuất nhập khẩu để giao tiếp, đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành thương mại, soạn thảo thư tín, hợp đồng, lập các kế hoạch marketing và tổ chức sự kiện bằng tiếng Anh.
  - **PLO3.3** Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lý thuyết dịch và thực hành biên dịch, phiên dịch và hiểu biết rộng về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau để tham gia công tác biên phiên dịch và đánh giá các sản phẩm biên phiên dịch từ Việt sang Anh hoặc từ Anh sang Việt thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống xã hội.
  - **PLO3.4** Chuyên ngành quốc tế học: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về tiếng Anh chuyên ngành và hiểu biết rộng về các vấn đề kinh tế, văn hóa, luật pháp, chính trị thế giới; các vấn đề toàn cầu và quan hệ quốc tế để lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động liên quan đến chuyên ngành đào tạo như đối ngoại, báo chí, và truyền thông.
- **PLO4** Vận dụng được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin trong học tập và công việc như viết tiểu luận, viết báo cáo, viết email trao đổi công việc, thuyết trình, khảo sát, phân tích dữ liệu, thực hành giảng dạy v.v.

2.2. Kỹ năng

- **PLO5.** Có các kỹ năng nhận thức như phân tích, tổng hợp, đánh giá; kỹ năng phản biện, xử lý tình huống và tìm ra giải pháp cho các vấn đề phức tạp phát sinh trong một môi trường mới lạ hoặc môi trường thay đổi.
- **PLO6.** Có các kỹ năng kỹ năng mềm cần thiết để có thể thực hiện thành công các nhiệm vụ phức tạp trong công tác chuyên môn như các kỹ năng thuyết trình, giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm, lập kế hoạch và quản lý thời gian.
- **PLO7.** Có khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ, tiếng Anh tối thiểu bậc 5 và một ngoại ngữ thứ 2 tối thiểu ở bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt nam để giao tiếp, phổ biến kiến thức, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể và phức tạp.
- **PLO8.** Có khả năng dẫn dắt, nắm bắt cơ hội để khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- **PLO9.** Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- **PLO10.** Có khả năng hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn nghiệp vụ thông thường.
- **PLO11**. Có khả năng đưa ra các kết luận độc lập về các vấn đề chuyên môn thông thường và bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- **PLO12.** Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.
- **PLO13.** Có đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội.

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp:

Tùy thuộc vào chuyên ngành được đào tạo, sinh viên tốt nghiệp ngành ngôn ngữ Anh có thể làm việc trong các lĩnh vực sau đây:

- Chuyên ngành phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh: Sinh viên tốt nghiệp có thể giảng dạy tiếng Anh, làm công việc giáo vụ, học vụ tại các trường phổ thông từ cấp tiểu học tới trung học phổ thông, các cơ sở giáo dục có đào tạo tiếng Anh như trung tâm ngoại ngữ và các trường mầm non. Ngoài ra, sinh viên có thể làm các công việc có đòi hỏi khả năng sử dụng tiếng Anh tại các doanh nghiệp hay tổ chức xã hội trong nước và nước ngoài.

- Chuyên ngành tiếng Anh thương mại: Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các vị trí công việc như lễ tân, nhân viên/ chuyên viên văn phòng, thư ký, biên phiên dịch trong các môi trường làm việc đa dạng như các công ty sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và du lịch trong nước và nước ngoài có yêu cầu khả năng sử dụng tiếng Anh.

- Chuyên ngành tiếng Anh biên phiên dịch: Sinh viên tốt nghiệp có thể làm công tác biên phiên dịch hay công việc văn phòng tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, các công ty liên doanh và các tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội khác như các nhà xuất bản, cơ quan truyền thông.

- Chuyên ngành quốc tế học: Sinh viên tốt nghiệp có thể làm công tác đối ngoại trong các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, các tổ

chức phi chính phủ; công tác tư vấn hay biên tập cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản liên quan đến các mảng văn hóa, chính trị quốc tế.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi ra trường, sinh viên có thể tiếp tục học sau đại học bậc thạc sĩ và tiến sĩ ở các chuyên ngành như sau:

- Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh
- Ngôn ngữ Anh
- Ngôn ngữ học ứng dụng
- Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu
- Văn hóa Anh/Mỹ

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo.

- Công văn số 2196/BGD-ĐT ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra.
- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thông tư 04/2016/TT-BGDDT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học.
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.
- Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của các trường đại học công lập và tư thục uy tín trong nước và ngoài nước:
    - Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà nội;
    - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh;
    - Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh;
    - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;
    - Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh;
    - Trường Đại học Huflit;
    - Trường Đại học Hoa sen;
    - Trường Đại học Kinh tế-Tài chính (UEF);
    - Đại học Victoria, Wellington, New Zealand;
    - Đại học Auckland, New Zealand;
    - Đại học Xi'an Jiaotong – Liverpool University (XJLU);
    - Đại học Nottingham (Ningbo China);
    - Đại học Deglistudi Di Milano, Italy;

- Đại học Jacobs, Đức;
- Đại học Medaille, Mỹ

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: Tổng số tín chỉ cho toàn khóa học là 133 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn *(không bao gồm các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh, các kiến thức chuẩn đầu ra: kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng công nghệ thông tin)*

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tự chủ tuyển sinh hàng năm của Trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Văn Hiến.

6. Phương pháp giảng dạy – học tập, cách thức đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

6.1. Các phương pháp giảng dạy: Các học phần được giảng dạy theo phương pháp thuyết trình tích cực kết hợp hỏi đáp trực tiếp với người học. Bên cạnh đó, giảng viên phụ trách học phần còn áp dụng dạy học theo dự án, đưa vấn đề để sinh viên nghiên cứu, giải quyết.

6.2. Các phương pháp học tập: Sinh viên tham gia hỏi đáp trực tiếp với giảng viên; thảo luận đôi, nhóm; thuyết trình cá nhân, nhóm. Sinh viên cũng kết hợp các hình thức học khác như tự học, viết bài luận, làm dự án, trải nghiệm thực tế, kiến tập, thực tập.

6.3. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá:

TT	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp
1	Đánh giá chuyên cần	Người học được yêu cầu dự lớp đầy đủ và được đánh giá bằng hình thức điểm danh, cho điểm cộng, và tính vào điểm chuyên cần theo qui định của từng học phần cụ thể.
2	Đánh giá bài tập trên lớp	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến hoạt động trong giờ học hoặc sau giờ học. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.
3	Bài tập trên elearning	Người học được yêu cầu thực hiện một số bài lập bổ trợ trên nền tảng MS Teams với các mốc thời gian cụ thể theo tuần.
4	Đánh giá bài tiểu luận	Sinh viên được đánh giá thông qua bài báo cáo, bao gồm nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

TT	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp
5	Đánh giá thuyết trình	Sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
6	Kiểm tra trắc nghiệm	Sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi kiểm tra nội dung chương trình học bằng cách chọn lựa các đáp án được thiết kế sẵn. Cả câu hỏi và đáp án đều được in sẵn trong đề thi.
7	Kiểm tra tự luận	Sinh viên được yêu cầu thực hiện các câu hỏi liên quan đến nội dung lý thuyết/ thực hành đã được học. Tự chủ trình bày câu trả lời đúng với đáp án đề thi.
8	Kiểm tra vấn đáp	Sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung lý thuyết/ thực hành đã được học dưới hình thức vấn đáp. Tự chủ trình bày câu trả lời đúng với đáp án đề thi.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS.Trần Văn Thiện

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1980/QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu:

1.1. Tên ngành đào tạo: Xã hội học **Mã ngành:** 7310301

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

- Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức rộng về các vấn đề xã hội, có các kĩ năng phân tích sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người, có năng lực tư vấn xây dựng các chính sách xã hội đáp ứng các nhu cầu phát triển của đất nước.
- Cung cấp kiến thức về ngành xã hội học, những yêu cầu mới đối với ngành xã hội học.
- Xây dựng kỹ năng nghiên cứu, giảng dạy và giải quyết các vấn đề xã hội, tư vấn xây dựng các chính sách xã hội đáp ứng các nhu cầu phát triển của đất nước.
- Cử nhân Xã hội học được đào tạo có đầy đủ phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội để thực hành nghề trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, chính trị, và tổ chức có yếu tố nước ngoài góp phần xây dựng Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, hội nhập và văn minh.
- Cung cấp khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực xã hội học.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Xã hội học:

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

❖ ***Kiến thức chung:***

- Có kiến thức rộng về văn hoá đại cương, về lịch sử của các nền văn minh trên thế giới.
- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Nắm vững các kiến thức về Nhà nước và pháp luật đại cương; Có hiểu biết cơ bản về tổ chức của Nhà nước Việt Nam hiện nay, về sự phân chia các ngành luật và một số vấn đề quan trọng nhất của Pháp luật.
- Nắm vững các phương pháp thống kê cơ bản, ứng dụng vào việc thu thập và xử lý các thông tin khoa học xã hội.

❖ ***Kiến thức chuyên môn:***

- Nắm vững kiến thức về Xã hội học đại cương như lược sử hình thành, các tác giả cổ điển quan trọng nhất (A. Comte, É. Durkheim, M. Weber…), cách phân chia các chuyên ngành cơ bản trong Xã hội học, những phương pháp cơ bản nhất, một số khái niệm và thuật ngữ quan trọng nhất.
- Nắm vững lịch sử hình thành và cốt lõi của các chủ thuyết trong Xã hội học hiện đại: chủ thuyết cấu trúc - chức năng, chủ thuyết về hành động xã hội, chủ thuyết về tương tác xã hội, chủ thuyết về tương tác biểu trưng, chủ thuyết về xung đột, chủ thuyết về mạng lưới xã hội
- Hiểu được cách phân chia cơ bản các phạm trù ứng dụng của kiến thức Xã hội học (Kinh tế, Quản lý tổ chức, Giới và Gia đình, Văn hoá, Giáo dục, Phát triển nông thôn, Phát triển đô thị…).
- Nắm vững và ứng dụng các phương pháp định tính và định lượng trong nghiên cứu Xã hội học cơ bản cũng như Xã hội học ứng dụng (can thiệp).
- Có kiến thức nền tảng về các chuyên ngành quan trọng nhất phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam: Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị, Xã hội học về giới, Xã hội học quản lý, Xã hội học gia đình, Xã hội học giáo dục, Xã hội học văn hoá, Xã hội học dân số, Xã hội học môi trường, Xã hội học về cộng đồng, Xã hội học kinh tế, Xã hội học lao động, Phát triển cộng đồng…

2.2. Về kỹ năng

❖ **Kỹ năng chung**

- Kĩ năng làm việc theo nhóm: Biết xây dựng và thực hiện tinh thần làm việc theo ê-kíp, truyền thông trong nhóm, giữa nhóm thuộc tính và tổ chức và biết xử lý xung đột.
- Kĩ năng quản lý và lãnh đạo: Bước đầu biết xây dựng một tổ chức nhỏ, biết điều phối quyền lợi, phân công trách nhiệm và tổ chức công việc cho một tổ chức.
- Kỹ năng giao tiếp: Biết lắng nghe, Biết diễn thuyết trước một đám đông, đọc nhanh và tổng hợp được các loại hình văn bản.
- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo, có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường, có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.
- Biết sử dụng các phần mềm máy tính cơ bản: word, exel, powerpoint.

❖ ***Kỹ năng chuyên môn***

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾ

- Vận dụng tốt các phương pháp định tính và định lượng cơ bản để thu thập và xử lý thông tin: xây dựng bộ công cụ để nghiên cứu thực nghiệm, phân tích tài liệu (sơ cấp, thứ cấp), phương pháp chọn mẫu, trưng cầu ý kiến, phỏng vấn với bảng hỏi cấu trúc, bảng hỏi bán cấu trúc, điều tra thử, phỏng vấn sâu, quan sát (tham dự hoặc không tham dự).
- Biết vận dụng kiến thức và kĩ năng xã hội học để đề xuất các biện pháp góp phần giải quyết một số mâu thuẫn xã hội, những vấn đề quản lý con người, quản lý xã hội trong tổ chức nói riêng và trong tổng thể xã hội nói chung.
- Có năng lực tư duy tổng hợp và biết phân tích một số vấn đề xã hội, sự kiện xã hội nổi bật từ nhiều góc độ khác nhau theo hai phương pháp tiếp cận lịch đại và đồng đại.
- Biết vận dụng hệ thống lý luận xã hội học để giải thích một vấn đề xã hội để từ đó đề xuất những khuyến nghị và giải pháp thích hợp.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Trách nhiệm, đoàn kết, trung thành, tận tuy, có ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác trong công việc, trung thực, thẳng thắn, tôn trọng mọi người, phê bình và tự phê bình đúng lúc, đúng chỗ, không bè phái, không xu nịnh.
- Tuân thủ các quy điều đạo đức nghề nghiệp của một nhà nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung, và nhà nghiên cứu xã hội học nói riêng.

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Làm công tác tư vấn, quản lý trong các cơ quan quản lý nhà nước.
- Làm công tác tư vấn trong các tổ chức phi chính phủ với các lĩnh vực hoạt động xã hội khác nhau. Làm công tác nghiên cứu ở các trường, trung tâm, viện nghiên cứu.
- Làm công tác giảng dạy trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.
- Làm phóng viên, biên tập viên trong các cơ quan truyền thông.
- Làm nhân viên Xã hội học trong các tổ chức xã hội.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Học xong chương trình cử nhân sinh viên có thể học tiếp chương trình cao học, nghiên cứu sinh trong nước hoặc tham gia các chương trình du học sau đại học ở nước ngoài.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960/QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu:

1.1. Tên ngành đào tạo: Đông phương học **Mã ngành: 7310608**

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

- Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Đông Phương học có phẩm chất chính trị tư tưởng vững vàng, có kỉ luật, đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân, có sức khoẻ, nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội & nhân văn, kiến thức tương đối toàn diện và hệ thống về Đông Phương học theo các hướng chuyên ngành Hàn Quốc học, Nhật Bản học, ...; có kĩ năng thực hành về quan hệ quốc tế và năng lực giao tiếp xã hội, sử dụng được một ngoại ngữ chuyên ngành (Hàn, Nhật,...) trong giao tiếp và trong công tác chuyên môn. Cử nhân Đông Phương học có thể làm việc cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở Việt Nam và khu vực, các tổ chức quốc tế ...

- Mục tiêu cụ thể: đạt tiếng Nhật bậc 4 (tương đương JLPT N3) hoặc tiếng Hàn Topik 4, Trình độ Tin học đạt chứng chỉ quốc tế tin học văn phòng (MOS), và các kỹ năng mềm.

2. Chuẩn đầu ra (dùng thang Bloom)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Kiến thức

PLO1. Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề liên quan đến cuộc sống cá nhân và công việc.

PLO2: Có kiến thức tổng quan về Đông Phương học, một đất nước thuộc khu vực Phương Đông (Nhật Bản, Hàn Quốc…)

PLO3: Vận dụng hiểu biết về lịch sử, văn hóa, đất nước, kinh tế các nước Phương Đông và các kiến thức lý thuyết và thực tế của chuyên ngành được đào tạo (Nhật Bản học, Hàn Quốc học) để lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động liên quan đến Đông Phương học như đối ngoại, giảng dạy, biên phiên dịch, hành chánh nhân sự, du lịch, marketing…

PLO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin trong học tập và công việc như viết tiểu luận, viết báo cáo, viết email trao đổi công việc, thuyết trình, khảo sát, phân tích dữ liệu, thực hành giảng dạy v.v.;

2.2. Kỹ năng

PLO5. Có các kỹ năng nhận thức như phân tích, tổng hợp, đánh giá; kỹ năng phản biện, xử lý tình huống và tìm ra giải pháp cho các vấn đề phức tạp phát sinh trong một môi trường mới lạ hoặc môi trường thay đổi;
PLO6. Có các kỹ năng kỹ năng mềm cần thiết để có thể thực hiện thành công các nhiệm vụ phức tạp trong công tác chuyên môn như các kỹ năng thuyết trình, giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm, lập kế hoạch và quản lý thời gian;
PLO7: Có khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và đặc biệt là kỹ năng tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá.
PLO8. Có khả năng sử dụng tiếng Việt, tiếng Nhật tối thiểu JLPT N3 hoặc tiếng Hàn Topik 4, phổ biến kiến thức, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể và phức tạp;
PLO9. Có khả năng dẫn dắt, nắm bắt cơ hội để khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác;

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO10. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
PLO11. Có khả năng hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn nghiệp vụ thông thường;
PLO12. Có khả năng đưa ra các kết luận độc lập về các vấn đề chuyên môn thông thường và bảo vệ được quan điểm cá nhân;
PLO13. Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn;
PLO14. Có đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội.

2.4: Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Đông Phương học có thể làm các công việc có đòi hỏi khả năng sử dụng tiếng Nhật hoặc tiếng Hàn tại các doanh nghiệp hay tổ chức xã hội Nhật Bản, Hàn Quốc, liên doanh Việt –Nhật/Hàn, đảm nhiệm các vị trí công việc như đối ngoại, lễ tân, nhân viên, chuyên viên văn phòng, thư ký, biên phiên dịch trong các môi trường làm việc đa dạng như các công ty sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và du lịch trong nước và nước ngoài có yêu cầu khả năng sử dụng tiếng Nhật, tiếng Hàn, hoặc có thể giảng dạy tiếng Nhật, tiếng Hàn, công tác giáo vụ tại các cơ sở giáo dục có đào tạo tiếng Nhật, tiếng Hàn.

2.4 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên còn có thể tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn ở các bậc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ngành Ngôn Ngữ học, Văn Hóa học, Dân Tộc học, Châu Á học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học… ở trong nước và ngoài nước.

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo.

- Công văn số 2196/BGD-ĐT ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra.
- Thông tư 04/2016/TT-BGDDT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học.

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.
- Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của các trường đại học uy tín trong nước và ngoài nước:
    - Chương trình đào tạo ngành Đông Phương học, trường Đại học Lạc Hồng, Việt Nam.
    - Chương trình đào tạo Ngành Đông Phương học, trường Đại học KHXH NV ĐH Quốc gia Hà Nội, Việt Nam
    - Chương trình đào tạo Ngành Đông Phương học, trường Đại học KHXH NV TPHCM, Việt Nam
    - Chương trình đào tạo ngành Đông Phương học, trường Đại học Hulift TPHCM, Việt Nam
    - Chương trình đào tạo Khoa Hàn Quốc học, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
    - Chương trình đào tạo Khoa Hàn Quốc học, trường Đại học Hồng Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
    - Chương trình đào tạo Ngành Hàn Quốc học, Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông, trường Đại học Ngoại ngữ Tin học, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
    - Chương trình đào tạo Ngành Hàn Quốc học, Khoa Đông Phương học, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội, Việt Nam
    - Chương trình đào tạo Tiếng Hàn Quốc (phiên dịch) trường Đại học Ngoại ngữ, Hà Nội, Việt Nam
    - Chương trình đào tạo Khoa ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, trường Đại học Korea, Hàn Quốc, Việt Nam.
    - Chương trình đào tạo Khoa ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, trường Đại học KyungHee, Hàn Quốc, Việt Nam.
    - Chương trình đào tạo Khoa ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, trường Đại học Yonsei, Hàn Quốc, Việt Nam.
    - Chương trình đào tạo Khoa ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, trường Đại học Sogang, Hàn Quốc, Việt Nam.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: Tổng số tín chỉ cho toàn khóa học là **134** tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn *(không bao gồm các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh, các kiến thức chuẩn đầu ra: kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng công nghệ thông tin)*

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tự chủ tuyển sinh hàng năm của Trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Văn Hiến.

6. Phương pháp giảng dạy – học tập, cách thức đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

6.1. Các phương pháp giảng dạy:

Các học phần được giảng dạy theo phương pháp thuyết trình tích cực kết hợp hỏi đáp trực tiếp với người học. Bên cạnh đó, giảng viên phụ trách học phần còn áp dụng dạy học theo dự án, đưa vấn đề để sinh viên nghiên cứu, giải quyết.

6.2. Các phương pháp học tập:

Sinh viên tham gia hỏi đáp trực tiếp với giảng viên; thảo luận đôi, nhóm; thuyết trình cá nhân, nhóm. Sinh viên cũng kết hợp các hình thức học khác như tự học, viết bài luận, làm dự án, trải nghiệm thực tế, kiến tập, thực tập.

6.3. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá:

TT	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp
1	Đánh giá chuyên cần	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên vào các hoạt động trên lớp trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.
2	Đánh giá bài tập trên lớp	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến hoạt động trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.
3	Đánh giá bài tiểu luận	Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.
5	Đánh giá thuyết trình	Sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
6	Kiểm tra trắc nghiệm	Sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
7	Kiểm tra tự luận	Sinh viên được yêu cầu thực hiện các câu hỏi liên quan theo

TT	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp
		nội dung lý thuyết/ thực hành đã được học. Tự chủ trình bày câu trả lời đúng với đáp án đề thi
8	Khóa luận	Sinh viên được yêu cầu thực hiện một đề tài nghiên cứu mang tính khoa học đúng chuyên ngành đào tạo

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS.Trần Văn Thiện

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960/QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu

1.1. Tên ngành đào tạo: Việt Nam học **Mã ngành**: 7310630

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân ngành Việt Nam học có phẩm chất chính trị vững vàng, có kiến thức, kỹ năng trong lĩnh vực văn hóa du lịch, bao gồm quản trị nhà hàng, quản trị khách sạn, hướng dẫn du lịch, quản trị lữ hành, chuyên viên trung tâm văn hóa, thực hiện các dự án du lịch. Người học được trang bị hệ thống tri thức khoa học cơ bản về Việt Nam học, văn hoá Việt Nam, những kỹ năng sử dụng tiếng Việt, kỹ năng thực hiện một số hoạt động nghiệp vụ như nghiệp vụ văn phòng, nghiệp vụ báo chí, góp phần vào việc nghiên cứu, phát triển ngành du lịch một cách bền vững.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Việt Nam học

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

**** Kiến thức chung***

- Hiểu và vận dụng về Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

- Cung cấp hệ thống tri thức khoa học cơ bản về Địa lý - Lịch sử - Văn hoá - Kinh tế - Đất nước và Con người Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.

- Nắm vững kiến thức về du lịch, kinh doanh lữ hành, khách sạn, các nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ khách sạn và nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.

**** Kiến thức chuyên môn***

- Nắm vững các khái niệm cơ bản về ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Hán Nôm, văn học Việt Nam; biết vận dụng những kiến thức đó vào giải quyết những lĩnh vực cụ thể của chuyên ngành.

- Nắm vững một số tri thức đại cương về phong cách học, mỹ học, nhân học và báo chí truyền thông; có khả năng vận dụng những trí thức đó vào học tập và nghiên cứu Việt Nam học.

- Nắm vững kiến thức về cơ sở văn hóa Việt Nam cũng như các trí thức nhất định về tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống như: nghệ thuật biểu diễn, làng xã, mỹ thuật và kiến trúc Việt Nam, các dân tộc thiểu số Việt Nam, di tích lịch sử, thắng cảnh, văn hóa ẩm thực, du lịch Việt Nam.

- Nắm vững kiến thức về ngôn ngữ và tiếng Việt; có khả năng sử dụng tiếng Việt trong giảng dạy và nghiên cứu Việt Nam học;

- Nắm vững kiến thức về ngoại ngữ chuyên ngành Việt Nam học (tiếng Anh); có khả năng sử dụng tốt trong việc nghiên cứu tài liệu nước ngoài phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu;

- Nắm vững kiến thức cơ bản về quan hệ Việt Nam và ASEAN, sự tác động lẫn nhau giữa các nước trong khu vực trong lịch sử và trong tiến trình hiên đại hóa, toàn cầu hóa.

- Sử dụng tốt các phương pháp nghiên cứu của ngành và liên ngành trong việc phát hiện và đề xuất các vấn đề liên quan văn hóa, xã hội tại các địa bàn cụ thể.

- Vận dụng được những kiến thức về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lí, khoa học công nghệ, luật pháp… trong kinh doanh du lịch và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển ngành du lịch một cách bền vững

- Nắm vững kế hoạch tổ chức, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý văn hóa; xây dựng được ý tưởng, chủ đề nội dung phù hợp với sự kiện văn hóa, tour du lịch ở các môi trường khác nhau.

2.2. Về kỹ năng

**** Kỹ năng chung***

- Thể hiện kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong hoạt động nghề nghiệp;

- Thực hiện được các hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp;

- Đạt chuẩn đầu ra tin học theo quy định hiện hành của Nhà trường và ứng dụng được trong hoạt động chuyên môn;

- Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Nhà trường và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp, hoạt động chuyên môn.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân do pháp luật quy định.

- Tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước, góp phần phát triển đời sống văn hóa cộng đồng;

- Có ý thức trong việc bảo vệ các di sản văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời đại mới.

**** Kỹ năng chuyên môn***

- Trình bày được ý tưởng hoặc nội dung báo cáo thuyết minh trên văn bản một cách chính xác, khoa học, lôi cuốn, truyền cảm hứng đến người nghe.

- Phát hiện nhanh chóng các vấn đề mới, phản biện và sáng tạo, tác động mạnh đến người nghe.

- Có kỹ năng thuần thục trong lĩnh vực du lịch lữ hành, các nghiệp vụ về nhà hàng, khách sạn;

- Hình thành phong cách giao tiếp hiện đại, phục vụ cho yêu cầu nghề nghiệp;

- Có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề một cách khách quan dựa trên kiến thức về văn hóa, du lịch và các nghiệp vụ chuyên môn;

- Có khả năng tự nghiên cứu các tài liệu, văn bản khoa học và tổng hợp, báo cáo;

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức tổ chức kỷ luật cao trong lao động, tôn trọng các quy định của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp;

- Có ý thức cộng đồng, trách nhiệm trong lao động tập thể, nhóm và cá nhân; tác phong công nghiệp, năng động và phát triển sáng tạo;

- Có tinh thần cầu thị, tiến bộ và học hỏi phát triển bản thân; Tích cực đóng góp, tiếp thu ý kiến nhằm cải tiến công tác quản lý văn hóa du lịch, nâng cao kiến thức chuyên môn

- Có sức khỏe tốt để làm việc, ý thức phục vụ cộng đồng xã hội và đất nước.

- Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

- Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học ngành Việt Nam học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở các lĩnh vực như:

▪ Việc làm trong lĩnh vực văn hoá:

- Chuyên viên cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa và du lịch;

- Chuyên viên cơ quan chuyên môn về văn hoá;

- Nhân viên đơn vị kinh tế kinh doanh trong lĩnh vực văn hoá;

- Thuyết minh viên, Hướng dẫn viên tại bảo tàng, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, ...

▪ Việc làm trong lĩnh vực du lịch lữ hành - hướng dẫn:

- Hướng dẫn viên du lịch nội địa và quốc tế các tuyến điểm du lịch

- Nhân viên thiết kế, tổ chức và điều hành các Tour du lịch trong và ngoài nước

- Nhân viên Sale & Marketing du lịch

- Nhân viên tổ chức các sự kiện du lịch, lễ hội văn hoá.

- Nhân viên điều phối các hoạt động của các hãng lữ hành nội địa và quốc tế.

▪ Việc làm trong lĩnh vực du lịch khách sạn - nhà hàng:

- Nhân viên của bộ phận FO (tiếp tân)
- Nhân viên của bộ phận HK (buồng phòng)
- Nhân viên của bộ phận F&B (ẩm thực, tiệc nhà hàng)
- Nhân viên của Bussiness Center (nghiệp vụ văn phòng cho doanh nhân)
- Nhân viên của bộ phận Sale & Marketing - Nhân viên của bộ phận nhân sự và đào tạo.

2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học ngành Việt Nam học tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học thuộc chuyên ngành Việt Nam học, Đông Phương học, Văn hóa học, Nhân học, Dân tộc học, Truyền thông báo chí, Du lịch học,... ở các cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và nước ngoài

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo:

- Chương trình đào tạo Việt Nam học Đại học Văn hóa Hà Nội; Đại học KHXH và NV; Đại học Công nghiệp Hà Nội; Đại học Thủ Đô.
- Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ GD & ĐT về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;
- Qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 7 năm 2007; sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ GD & ĐT;
- Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở;
- Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành khung năng lực ngoại ngữ gồm 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Thông tư số 03/2014/TT_BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc qui định chuẩn kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin;
- Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 07 tháng 4 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960 /QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu:

1.1. Tên ngành đào tạo: Văn hóa học **Mã ngành:** 7229040

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn, trong đó đảm bảo kiến thức hệ thống về văn hoá và văn hoá học với tư cách là nền tảng lý thuyết của một ngành học chuyên sâu.
- Trang bị cho sinh viên quan điểm tiếp cận liên ngành và có tư duy phản biện đối với các công trình nghiên cứu về văn hoá - xã hội, đồng thời có khả năng tiếp nhận những nghiên cứu mới thuộc lĩnh vực chuyên ngành.
- Trang bị cho sinh viên kiến thức và các kỹ năng mềm cùng các kỹ năng nghiệp vụ thuộc lĩnh vực văn hoá học ứng dụng giúp sinh viên có nhiều cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.
- Giúp sinh viên sử dụng được tiếng Anh là ngôn ngữ phổ biến trên thế giới hiện nay để làm công cụ giao tiếp, làm việc.
- Thúc đẩy sinh viên tự học, học cách học, rèn nhân cách, có ý thức công dân và có ý thức học tập suốt đời.

1.4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Văn hóa học:

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

❖ ***Kiến thức chung:***

- Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn, trong đó đặc biệt nắm vững những môn học giúp hình thành khả năng tư duy, phương pháp luận, thế giới quan và nhân sinh quan như các môn Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac - Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng các kiến thức nền về lịch sử văn hóa - văn minh nhân loại, mối quan hệ giữa môi trường và phát triển, các kiến thức về chính trị học, xã hội học, tâm lý học, pháp luật…

❖ ***Kiến thức chuyên môn:***

- Nắm vững đặc trưng tính liên ngành có nhiều đặc thù của văn hóa học, từ đó trang bị cách tiếp cận liên ngành và các kiến thức liên ngành cơ bản thuộc nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn như triết học, nhân học, xã hội học, tâm lý học, nghệ thuật

học, du lịch học… cũng như có kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam và văn hóa thế giới.

- Trên cơ sở nắm vững kiến thức ngành văn hóa học, sinh viên có thể chọn để trang bị cho mình các kiến thức cơ bản và chuyên sâu được thiết kế theo định hướng chuyên ngành và định hướng nghề nghiệp.

2.2. Về kỹ năng

❖ ***Kỹ năng chung***

- Kỹ năng giao tiếp: có khả năng lập luận, trình bày vấn đề, xử lý tình huống và giao tiếp trong nhiều môi trường khác nhau
- Kỹ năng tự chủ và làm việc nhóm: có ý thức và cách thức tự học suốt đời, biết quản lý thời gian và tự tổ chức công việc bản thân; có kỹ năng hình thành nhóm, duy trì hoạt động và phát triển nhóm theo yêu cầu và tính chất công việc.
- Ngoại ngữ: Giao tiếp thông dụng tiếng Anh, đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh thành thạo.
- Tin học: Sử dụng các phần mềm văn phòng cơ bản như: Word, Excel, Power-point.

❖ ***Kỹ năng chuyên môn***

- Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: có khả năng vận dụng linh hoạt các kiến thức xã hội nhân văn nói chung, văn hóa học nói riêng, vào thực tiễn nghề nghiệp.
- Kỹ năng lập luận, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề: Vận dụng được cách tiếp cận liên ngành và tư duy hệ thống trong phát hiện và giải quyết một vấn đề nghề nghiệp thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.
- Kỹ năng tổ chức, năng lực sáng tạo và tự học: có khả năng sắp xếp và tổ chức công việc, sử dụng được ngoại ngữ (tiếng Anh) trong lĩnh vực nghề nghiệp; có khả năng tự bồi dưỡng, nghiên cứu, cập nhật kiến thức.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Trách nhiệm nghề nghiệp: Có đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội.
- Thái độ phục vụ: có tinh thần làm việc vì cộng đồng, ứng xử chuyên nghiệp, chủ động trong quan hệ công tác.

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng làm việc trong các sở, ban ngành, trường học, viện nghiên cứu của nhà nước thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội.
- Có khả năng làm việc thuộc nhiều ngành nghề khác nhau cần đến kiến thức về văn hóa và văn hóa học như marketing, hướng dẫn du lịch, tư vấn và quản lý nhân sự, phê bình nghệ thuật, báo chí truyền thông…

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Ngành Văn hóa học đào tạo cả ba hệ là cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ. Cử nhân Văn hóa học có khả năng học lên bậc học cao hơn đúng chuyên ngành hoặc ngành gần và ngành phù hợp.

- Văn hóa học đào tạo kiến thức nền ở diện rộng, bao quát nhiều lĩnh vực khác nhau nên sinh viên sau tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công việc.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960 /QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu:

1.1. Tên ngành đào tạo: Văn học **Mã ngành:** 7229030

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3 Mục tiêu đào tạo:

Chương trình đào tạo Văn học đào tạo cử nhân với những phẩm chất đạo đức, kiến thức kỹ năng như sau:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân có sức khỏe, đáp ứng nhu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Có kiến thức chuyên môn lĩnh vực văn hóa và ngôn ngữ.
- Có kiến thức chuyên ngành rộng, có kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có khả năng học cao lên ở các chuyên ngành phù hợp.
- Sinh viên tốt nghiệp ngành Văn học có thể làm việc tại các cơ quan tổ chức hoạt động văn hóa. Tham gia công tác giảng dạy môn Văn bậc trung học ở các trường Trung học phổ thông (nếu có thêm chứng chỉ sư phạm). Làm việc tại các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ quan hành chính sự nghiệp, quản lý giáo dục địa phương.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Văn học:

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

❖ ***Kiến thức chung:***

- Hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin: Đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

❖ ***Kiến thức chuyên môn:***

- Kiến thức tạo nền tảng để sinh viên có thể nghên cứu chuyên sâu sau này ở lĩnh vực văn học và ngôn ngữ học như: Kiến thức về nguyên lý, tác phẩm văn học và tiến trình văn học, kiến thức vận dụng chữ Hán và chữ Nôm, kiến thức ngữ âm, từ vựng, cú pháp,….tiếng Việt để khảo sát văn học Việt Nam.
- Kiến thức về làm văn, ngôn ngữ báo chí.

- Kiến thức chuyên sâu về bộ phận văn học dân gian và văn học viết Việt Nam qua các giai đoạn phát triển, một số nền văn học lớn, tiêu biểu thuộc văn học Châu Âu, châu Á, Châu Mỹ, Anh, Pháp Nga, Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á.
- Kiến thức về tiếp nhận văn học, thi pháp học, ngôn ngữ văn chương, các thể thơ và phương pháp nghiên cứu văn học.
- Kiến thức sâu về phong cách học tiếng Việt, các lý thuyết tiếp cận ngôn ngữ tiếng Việt hiện đại, cũng như ngữ pháp, chức năng, ngữ pháp văn bản.
- Kiến thức đặc thù vùng miền như ca dao Nam Bộ, văn học Đồng bằng Sông Cửu Long…..

2.2. Về kỹ năng

❖ ***Kỹ năng chung***

- Có kỹ năng thuyết trình nói trước công chúng.
- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử xã hội và khả năng giải quyết vấn đề.
- Có kỹ năng làm việc hợp tác, phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo.
- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.
- Ngoại ngữ: Giao tiếp thông dụng tiếng Anh, đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh thành thạo.
- Tin học: Sử dụng các phần mềm văn phòng cơ bản như: Word, Excel, Power-point, khai thác và sử dụng Internet.

❖ ***Kỹ năng chuyên môn***

- Nghiên cứu chuyên sâu các vấn dề về văn học.
- Giảng dạy văn học ở bậc THPT và Đại học.
- Viết báo, biên tập văn bản cho các cơ quan thông tấn báo chí, xuất bản…
- Soạn thảo văn bản, quản lý văn phòng ở cơ quan văn hóa, kinh tế…
- Thực hiện công tác quản lý chuyên môn nghiên cứu, giảng dạy, có kỹ, năng thu thập thông tin liên hệ, giao tiếp, tìm hiểu thực tế, phân tích và xử lý thông tin theo định hướng nghiên cứu, giảng dạy…

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Có tinh thần yêu nước, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, sẵn sàng cống hiến cho đất nước.
- Có ý thức chấp hành kỹ luật, có ý thức trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.
- Có tinh thần làm việc hăng say, ý thức nâng cao năng lực chuyên môn, rèn luyện phẩm chất đạo đức, có ý thức tổ chức kỹ luật và tác phong làm việc chuyên nghiệp.
- Có năng lực cảm thụ thẩm mỹ, nhận thức sâu sắc về các giá trị văn hóa, nhân văn.

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Nghiên cứu văn học tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.
- Giảng dạy môn Ngữ văn ở bậc THPT, cao đẳng, đại học.
- Làm phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên cho các cơ quan thông tấn báo chí, xuất bản, các đài phát thanh và truyền hình…
- Làm công tác văn phòng ở các cơ quan văn hóa như: Sở Văn hóa và Thông tin, thư viện, bảo tàng, cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan hành chính sự nghiệp…

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có thể học lên Thạc sĩ ở các ngành: Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học, Văn học nước ngoài, lý luận và phương pháp dạy học Văn và tiếng Việt… và một số ngành gần với khoa học xã hội và nhân văn như Văn hóa học, Xã hội học, Việt Nam học, Nhân học…

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960/QĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu:

1.1. Tên ngành đào tạo: Tâm lý học **Mã ngành: 7310401**

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

- Mục tiêu chung: Đào tạo người học trở thành cử nhân Tâm lí học có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp để làm việc hiệu quả trong lĩnh vực tâm lí học, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam, hội nhập khu vực và quốc tế.

- Mục tiêu cụ thể: Kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ Ngoại ngữ, Tin học,….

Sinh viên sau khi tốt nghiệp là những người:

PO1. Có nền tảng **kiến thức** chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, tác phong và đạo đức cần thiết để trở thành một nhà tâm lí học thực hành, có thể ứng dụng hiệu quả các kiến thức tâm lí học vào lĩnh vực tham vấn, trị liệu tâm lí và quản trị nhân sự.

PO2. Làm việc **hiệu quả, chuyên nghiệp** trong các trường học, bệnh viện, Trung tâm tham vấn tâm lí; Trung tâm Giáo dục phát triển trẻ em và trong các tổ chức, doanh nghiệp; có khả năng **thích nghi** với môi trường làm việc đa dạng trong khu vực và quốc tế.

PO3. Giữ gìn **đạo đức** nghề nghiệp, thể hiện **trách nhiệm công dân** và phục vụ cộng đồng, góp phần vào sự phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế của ngành tâm lí học Việt Nam.

2. Chuẩn đầu ra (dùng thang Bloom)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Kiến thức

- **PLO1. Áp dụng** kiến thức toán, chính trị, luật pháp, kinh tế, văn hoá, xã hội, con người và môi trường, sinh lí học, tâm lí học, giáo dục học vào tham vấn, trị liệu tâm lí và quản trị nhân sự.
- **PLO2. Xây dựng, thực hiện và quản lý** quy trình và chất lượng tham vấn, trị liệu tâm lí và quản trị nhân sự.

- **PLO3. Phân tích, chẩn đoán** sự phát triển tâm lí, nhân cách của con người, các vấn đề tâm lí của cá nhân và nhóm; phân tích các yếu tố của môi trường bên ngoài và bên trong của tổ chức.
- **PLO4. Thiết kế và phát triển** các hoạt động tham vấn, trị liệu tâm lí và quản trị nhân sự.

2.2. Kỹ năng

- **PLO5. Phối hợp tốt với nhóm** cả trong vai trò là một nhà lãnh đạo hay một thành viên trong nhóm với tư cách nhà tham vấn, trị liệu hay quản trị nhân sự.
- **PLO6. Giao tiếp hiệu quả** bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hoá và sử dụng được tiếng anh trong giao tiếp, đọc hiểu tài liệu chuyên ngành
- **PLO7. Sử dụng công nghệ** hiện đại phục vụ tốt công tác quản lý và phát triển tham vấn, trị liệu tâm lí và quản trị nhân sự.
- **PLO8. Thực hiện** hiệu quả các kỹ năng nghề nghiệp trong tham vấn, trị liệu tâm lí và quản trị nhân sự.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- **PL9. Giữ gìn** đạo đức nghề nghiệp của một nhà tham vấn, trị liệu tâm lý, quản trị nhân sự trong mối quan hệ với thân chủ, đồng nghiệp, người lao động, thể hiện trách nhiệm hỗ trợ sức khỏe tinh thần cho cộng đồng, xã hội và phát triển nguồn nhân lực.
- **PLO10. Định hướng** tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp, khởi nghiệp và sẵn sàng tham gia học tập suốt đời, tích cực đổi mới bản thân và sáng tạo.

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp:

- Chuyên viên tham vấn học đường.
- Chuyên viên tham vấn, trị liệu tâm lí tại Các bệnh viện Đa khoa, bệnh viện Tâm thần, trung tâm chăm sóc sức khỏe, Trung tâm tham vấn tâm lí.
- Chuyên viên tham vấn tâm lí tại Trung tâm trợ giúp và phát triển trẻ em
- Chuyên viên nhân sự.
- Giảng dạy tại các trường trung cấp, cao đẳng và đại học.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Học xong chương trình, sinh viên có thể học tiếp chương trình cao học, nghiên cứu sinh trong nước hoặc tham gia các chương trình du học sau đại học.

3. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo.

- Công văn số 2196/BGD-ĐT ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra.
- Thông tư 04/2016/TT-BGDDT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học.

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của các trường đại học uy tín trong nước và ngoài nước:
    - Tham khảo CTĐT ngành tâm lí học của Trường ĐH nước ngoài như: Ryerson (Canada), Assumption (Thailand), James Cook University (Singapore),
    - Tham khảo CTĐT các trường ĐH trong nước như: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, trường đại học Hoa Sen, trường đại học sư phạm Đà Nẵng, trường đại học Hutech.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. Trần Văn Thiện

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960/QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu

1.1. Tên ngành đào tạo: Thanh nhạc **Mã ngành**: 7210205

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân Thanh nhạc có phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng theo đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp. Trang bị cho người học kiến thức hệ thống và chuyên sâu về thanh nhạc; vững về chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học và cách giải quyết vấn đề, đáp ứng các quy định về chuẩn nghề nghiệp và yêu cầu đổi mới của âm nhạc Việt Nam và xu thế phát triển âm nhạc thế giới.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

**** Kiến thức chung***

- Hiểu và vận dụng về Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động nghệ thuật và cuộc sống.

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, hệ thống kiến thức về lĩnh vực âm nhạc nói chung và biểu diễn thanh nhạc nói riêng;

- Nắm vững hệ thống tri thức khoa học cơ bản về Địa lý - Lịch sử - Văn hoá - Đất nước và Con người Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.

- Hiểu và vận dụng tốt kỹ thuật ca hát và năng lực thực hành nghề nghiệp.

**** Kiến thức chuyên môn***

- Nắm được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội và nhân văn;

- Nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản về âm nhạc như lịch sử âm nhạc Việt Nam và thế giới, các hình thức âm nhạc khác nhau cũng như những hình thức nghệ thuật có liên quan.

- Nắm vững hệ thống kiến thức về Thanh nhạc và Kỹ thuật biểu diễn Thanh nhạc từ môn cơ sở đến môn chuyên ngành như: Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Lịch sử âm nhạc thế giới, Múa, Hình thể, Kĩ thuật hát hợp xướng, Lịch sử âm nhạc Việt Nam, Hát dân ca, Nhập môn sáng tác, Lịch sử Opera, Phân tích tác phẩm, Hòa thanh, Ký xướng âm, Kỹ thuật diễn viên, Kỹ thuật hóa trang, Nghệ thuật nói trước công chúng, Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp, Kiến thức Âm nhạc tổng hợp, Đọc tổng phổ hợp xướng, Phối hợp xướng, Thanh nhạc chuyên ngành nâng cao…..

- Nắm vững kiến thức về ngoại ngữ chuyên ngành Thanh nhạc (tiếng Anh); có khả năng sử dụng tốt trong việc nghiên cứu tài liệu nước ngoài phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu.

- Nắm vững kế hoạch tổ chức, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý văn hóa - văn nghệ; xây dựng được ý tưởng, chủ đề nội dung phù hợp với các sự kiện văn hóa ở các môi trường khác nhau.

2.2. Về kỹ năng

**** Kỹ năng chung***

- Giao tiếp hiệu quả bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong hoạt động giáo dục và hoạt động nghề nghiệp.

- Có khả năng tổ chức các hoạt động hỗ trợ cộng đồng trong công tác tuyên truyền, giáo dục thông qua cảm thụ và đánh giá các sản phẩm âm nhạc truyền thống cũng như hiện đại.

- Đạt chuẩn đầu ra tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Văn Hiến và ứng dụng được công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.

- Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Văn Hiến và sử dụng được ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.

- Có khả năng tổ chức các hoạt động âm nhạc và điều hành các chương trình biểu diễn; có bản lĩnh sân khấu.

**** Kỹ năng chuyên môn***

- Thực hiện tốt các kỹ năng biểu diễn của chuyên ngành Thanh nhạc.
- Có khả năng phân tích nội dung, hình thức các tác phẩm Việt Nam và thế giới.
- Có hiểu biết về nền âm nhạc Việt Nam và thế giới.
- Có khả năng dạy học trong lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo.
- Có khả năng tham gia hát hợp xướng chuyên nghiệp.
- Có khả năng sử dụng Nhạc cụ Organ, Piano, Chỉ huy hợp xướng.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Hiểu và thực hiện đúng các quy định về phẩm chất đạo đức công dân; có đủ sức khỏe để làm việc.

- Có ý thức cộng đồng, trách nhiệm trong lao động tập thể, nhóm và cá nhân; tác

phong công nghiệp, năng động và phát triển sáng tạo;

- Có tinh thần cầu thị, tiến bộ và học hỏi phát triển bản thân; Tích cực đóng góp, tiếp thu ý kiến nhằm cải tiến công tác quản lý văn hóa nghệ thuật, nâng cao kiến thức chuyên môn nghề nghiệp.

- Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân

- Có ý thức phát triển nền nghệ thuật biểu diễn Thanh nhạc của Việt Nam.

2.4. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Trở thành Ca sĩ hoạt động độc lập hoặc trong các nhà hát, các cơ sở hoạt động âm nhạc, nghệ thuật (Các đoàn nghệ thuật, Trung tâm văn hóa, Nhà văn hóa thiếu nhi…)

- Có khả năng làm việc và giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp thuộc lĩnh vực âm nhạc, văn hóa, nghệ thuật, các trung tâm đào tạo âm nhạc và các trường phổ thông trong khu vực và cả nước.

- Làm việc tại các viện, trung tâm nghiên cứu âm nhạc, nghệ thuật.

- Tư vấn và tổ chức dàn dựng các chương trình, tham gia liên hoan văn nghệ ở các đơn vị cơ sở.

2.5. Học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể nghiên cứu những ngành nghệ thuật chuyên sâu nhằm hoàn thiện chuyên môn và tiếp tục phát triển; có thể tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước theo các chuyên ngành Thanh nhạc, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Âm nhạc, Chỉ huy, Sáng tác….

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Nhà trường tham khảo:

+ Concone, Giáo trình luyện thanh, lưu hành nội bộ.

+ Phạm Văn Giáp, Bộ sách tuyển tập các tác phẩm Thanh nhạc nước ngoài dành cho các giọng, lưu hành nội bộ.

+ Mai Khanh, Giáo trình Thanh nhạc, lưu hành nội bộ.

+ PGS.TS Nguyễn Trung Kiên, Giáo trình Thanh nhạc, lưu hành nội bộ.

+ Nhà giáo Mai Khanh (1977), Tuyển tập Thanh nhạc, lưu hành nội bộ.

+ PGS.TS Nguyễn Trung Kiên, Lược sử Thanh nhạc, lưu hành nội bộ.

+ Hồ Mộ La (2005), Lịch sử Thanh nhạc phương Tây, lưu hành nội bộ.

+ Nguyễn Tố Nguyên, Bản dịch Lịch sử Thanh nhạc Thế giới, lưu hành nội bộ.

+ PGS. NGND Lô Thanh, Giáo trình Thanh nhạc, Trường Nghệ thuật Quân đội.

+ Nicola Vaccaj (1833), Giáo trình thanh nhạc, London.

+ Giáo trình Thanh nhạc Bậc Đại học của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam (2004), các tuyển tập tác phẩm dành cho các giọng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960/QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu

1.1. Tên ngành đào tạo: Piano **Mã ngành**: 7210208

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

Cử nhân âm nhạc chuyên ngành Piano có kiến thức toàn diện ở trình độ đại học, có kỹ năng sư phạm piano, kỹ năng đệm, hòa tấu thính phòng, thị tấu và bản lĩnh sân khấu vững vàng. Chương trình cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về Piano để có thể trở thành những nghệ sĩ độc tấu Piano chuyên nghiệp; những nhạc công trong các dàn nhạc, ban nhạc; những nhà sư phạm Piano.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Piano

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

**** Kiến thức chung***

- Hiểu và vận dụng về Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động nghệ thuật và cuộc sống.
- Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn.
- Nắm vững hệ thống tri thức khoa học cơ bản về Địa lý - Lịch sử - Văn hoá - Đất nước và Con người Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.
- Nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản về âm nhạc: Hòa âm, Phân tích tác phẩm, Ký xướng âm, Lịch sử âm nhạc, Phức điệu…
- Nắm vững hệ thống kiến thức về chuyên ngành được đào tạo: biểu diễn thực tế ngay trong quá trình học, định hướng chuyên ngành: Hàn lâm, Thính phòng, Đương đại, Pop, Rock, Jazz.

**** Kiến thức chuyên môn***

- Thuần thục các kỹ năng biểu diễn của chuyên ngành được đào tạo như giàu cảm xúc, kỹ năng đồng cảm.
- Có khả năng phân tích nội dung, hình thức các tác phẩm Việt Nam và thế giới.
- Có hiểu biết về nền âm nhạc Việt Nam và thế giới.

- Có khả năng dạy học trong lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo.

- Nắm vững kiến thức về ngoại ngữ chuyên ngành Piano (tiếng Anh); có khả năng sử dụng tốt trong việc nghiên cứu tài liệu nước ngoài phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu.

- Nắm vững kế hoạch tổ chức, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý văn hóa - văn nghệ; xây dựng được ý tưởng, chủ đề nội dung phù hợp với các sự kiện văn hóa tầm cỡ quốc gia và cộng đồng các nước ASEAN.

2.2. Về kỹ năng

+ ***Kỹ năng chung***

- Có khả năng tham gia tổ chức các hoạt động hỗ trợ cộng đồng trong công tác tuyên truyền, giáo dục thông qua cảm thụ và đánh giá các sản phẩm âm nhạc truyền thống cũng như hiện đại.

- Đạt chuẩn đầu ra tin học theo quy định hiện hành của Trường và ứng dụng được công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.

- Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường và sử dụng được ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.

- Có khả năng tổ chức các hoạt động âm nhạc và điều hành các chương trình biểu diễn; có bản lĩnh sân khấu.

- Phân tích và lập luận giải quyết các vấn đề thực tế trong lĩnh vực âm nhạc.

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch nghề nghiệp và công bằng, trách nhiệm đối với xã hội.

- Thực hiện thành lập nhóm, tổ chức hoạt động và phát triển, lãnh đạo nhóm.

- Có ý thức phát triển nền nghệ thuật biểu diễn nhạc cụ phương Tây của Việt Nam.

- Có kiến thức toàn diện về chuyên ngành Piano ở trình độ đại học.

+ ***Kỹ năng chuyên môn***

- Có khả năng làm việc độc lập.

- Có khả năng đệm.

- Có khả năng hòa tấu thính phòng.

- Có bản lĩnh sân khấu vững vàng.

- Có khả năng thị tấu.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Hiểu và thực hiện đúng các quy định về phẩm chất đạo đức công dân; có đủ sức khỏe để làm việc.

- Có ý thức cộng đồng, trách nhiệm trong lao động tập thể, nhóm và cá nhân; tác phong công nghiệp, năng động và phát triển sáng tạo;

- Có tinh thần cầu thị, tiến bộ và học hỏi phát triển bản thân; Tích cực đóng góp, tiếp thu ý kiến nhằm cải tiến công tác quản lý văn hóa nghệ thuật, nâng cao kiến thức

chuyên môn nghề nghiệp.

- Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- Có ý thức phát triển nền nghệ thuật biểu diễn Thanh nhạc của Việt Nam.

- Chứng tỏ khả năng học tập suốt đời, khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích luỹ kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân.

2.4. Vị trí việc làm

- Trở thành nghệ sĩ biểu diễn độc lập hoặc nghệ sĩ tại các cơ sở hoạt động âm nhạc - văn hóa - nghệ thuật (các đoàn nghệ thuật, dàn nhạc, sở văn hóa, nhà văn hóa, nhà thiếu nhi…)

- Có khả năng làm việc và giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp có đào tạo lĩnh vực âm nhạc - văn hóa - nghệ thuật.

- Tư vấn và tổ chức dàn dựng các chương trình, tham gia liên hoan văn nghệ ở các đơn vị, cơ sở.

- Làm việc tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu âm nhạc, đào tạo âm nhạc trong trong nước và khu vực.

2.5. Học tập nâng cao trình độ

Có khả năng tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành được đào tạo.

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Nhà trường tham khảo:

+ Alexander Scriabin, 24 prelude op.11.

+ Claude Debussy, Prelude.

+ Claude Debussy, 12 etude.

+ Classiques favorite volume 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7. Paris - France.

+ Dmitri Schostakovich, 24 prelude & fugue.

+ Felix Mendelssohn (1982), Caprisio op.5, Mockva.

+ F. Lizrt (1972), Rhapsodie, Budapest-Hunggari.

+ F.Chopin: Tuyển tập các thể loại: Valse, Mazurka, Nocturne, Polonaise, Prelude, Impromptu, Ballad, Scherzo, Fantaisie, Leigzig - Germany.

+ F.Chopin, Tuyển tập Etude op.10; op.25, Leigizg - Germany.

+ F.Lizrt (1981), Tuyển tập Etude, Etude de concert, Mockva.

+ George Gershwin (1966), Rhapsodie in Blue,Berlin - Germany.

+ J.S.Bach (1980), Prelude & fugue tập I, Mockva.

+ J.S.Bach (1981), Prelude & fugue tập II, Mockva

+ J.S.Bach, Tổ khúc Anh; 6 Partita, Leigzig-Germany.

+ Johanes Brahms, J.S. Bach, Tuyển tập các Concerto cho đàn Piano, Leigzig - Germany.

+ Joseph Haydn, Trích tuyển tập các Sonate 3,4,7,8,9,11,13,15,17.

+ L.V.Beethoven (1980), Tuyển tập các Concerto cho đàn Piano, Mockva.

+ L.V. Beethoven (1961), 32 Sonate tập I; II; III, Budapest - Hunggari.

+ L.V. Beethoven (1981), 32 Biến tấu Cmoll, Mockva.

+ Moskovsky (1963), Tuyển tập Etude, New York City.

+ -Robert Schumann, Tuyển tập Fantaisie, Novllettes, Carnaval de Viene, Leigzig - Germany.

+ Sergei Rachmaninoff, Prelude.

+ Sergei Prokofieff (1974), trích "Romeo&Juliet", Mockva.

+ S. Rachmaninov (1958), Momentes musical, Mockva.

+ S. Rachmaninov (1976), Tuyển tập Etude, Mockva.

+ V.A.Mozart, Rachmaninov, Grieg, Saint - Saent, Tchaikovsky Chopin (1978), Tuyển tập các Concerto cho đàn Piano, Krakov - Nga.

+ W.A.Mozart, 20 Sonate (tập I, II), Leigzig - Germany.

+ Chương trình chi tiết đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Piano, Nhạc viện Hà Nội.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960 /QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu:

1.1. Tên ngành đào tạo: Quản trị khách sạn **Mã ngành:** 52340107

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị khách sạn có:

- Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt; thái độ làm việc trách nhiệm, độc lập và hòa đồng với tập thể; yêu nước và tự hào dân tộc, có ý thức giữ gìn bảo vệ và phát huy nguồn tài nguyên du lịch và khách sạn; có khả năng làm việc trong môi trường có yếu tố nước ngoài.
- Nắm vững những kiến thức cơ bản của khoa học xã hội nhân văn, khoa học quản lý, quản trị kinh doanh, quản trị khách sạn (quản trị lễ tân, quản trị thực phẩm đồ uống, quản trị dịch vụ buồng, kinh doanh dịch vụ buồng…) cũng như những kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực khác nhau của hoạt động kinh doanh du lịch như quản trị lữ hành, quản trị sự kiện…
- Thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ cơ bản trong các đơn vị kinh doanh khách sạn nhà hàng; tham gia điều chỉnh và thực hiện các chiến lược, dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khách sạn cũng như các chính sách tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch - khách sạn; thực hiện các nghiên cứu độc lập có tính thực tiễn trong lĩnh vực du lịch - khách sạn, tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy về khách sạn; ứng xử, giao tiếp mang tính chuyên nghiệp và sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ trong công việc chuyên môn.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn:

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

❖ ***Kiến thức chung:***

- Kiến thức về kinh tế trong lĩnh vực du lịch.
- Kiến thức về quản trị.
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

❖ **Kiến thức chuyên môn:**

- Hiểu biết những kiến thức liên ngành về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và các khoa học liên quan ứng dụng trong kinh doanh khách sạn.
- Hiểu biết những kiến thức cơ bản và chuyên sâu của quản trị khách sạn.

- Có kiến thức về nghiệp vụ giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn.
- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ cơ bản với các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.2. Về kỹ năng

❖ ***Kỹ năng chung***

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lí thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau.
- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo.
- Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lí những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.
- Có khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và đặc biệt là kỹ năng tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp.
- Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.
- Có khả năng áp dụng sáng tạo những kiến thức nền, kiến thức và kỹ năng chuyên môn vào các tình huống khác nhau

❖ ***Kỹ năng chuyên môn***

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.
- Biết lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai trong ngành kinh doanh khách sạn.
- Vận dụng được kỹ năng thực hành nghề trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn; biết sắp xếp, giám sát và điều hành công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất.
- Biết xác định đúng trình độ và hiểu năng lực của bản thân, không tự ti nhưng cũng không tự cao, tự đại.
- Thành thạo kỹ năng làm việc độc lập và thành công trong các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các đơn vị kinh doanh của ngành kinh doanh khách sạn, tự khẳng định năng lực và phẩm chất của mình trong tập thể, trong tổ chức.
- Biết tạo dựng mối quan hệ với đồng nghiệp và đối tác trong và ngoài cơ quan trong ngành du lịch, dịch vụ.

- Biết phân loại và tiếp cận người tiêu dùng du lịch, thuyết phục và chia sẻ với khách hàng.
- Biết sử dụng các máy móc, trang thiết bị làm việc như các phần mềm cơ bản, sử dụng các thiết bị nghe nhìn phục vụ công việc chuyên môn trong khách sạn.
- Phân tích, đánh giá vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tiễn xây dựng, tổ chức quy trình kinh doanh trong khách sạn, các nghiệp vụ đón tiễn, lễ tân, phục vụ trong nhà hàng khách sạn, các nghiệp vụ tổ chức sự kiện trong khách sạn…
- Biết tìm tòi, phát hiện, điều chỉnh, phát triển, sáng tạo cái mới như xây dựng sản phẩm mới trong khách sạn, xây dựng ý tưởng và thiết kế chương trình sự kiện...
- Thực hiện, vận dụng linh hoạt kỹ năng đặt mục tiêu, định hướng hành động, thực hiện mục tiêu trong nghề nghiệp.
- Thực hiện, vận dụng linh hoạt kỹ năng tạo động lực làm việc cho bản thân và đồng nghiệp trong kinh doanh khách sạn.
- Vận dụng linh hoạt kỹ năng chăm sóc khách hàng và các đối tác trong kinh doanh khách sạn.
- Linh hoạt sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành du lịch, khách sạn…
- Biết ứng dụng công nghệ thông tin trong nghề nghiệp kinh doanh khách sạn.
- Có tư duy logic, xác định vấn đề ưu tiên, nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau để đánh giá hiện tượng một cách toàn diện nhất và tìm được giải pháp tối ưu và phù hợp.
- Biết xây dựng giải pháp và khuyến nghị để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong thực tiễn quản lý, kinh doanh khách sạn.
- Biết phát hiện vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn như du lịch và kinh tế, xã hội, chính trị, môi trường tự nhiên….
- Luôn cập nhật thông tin về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực du lịch và khách sạn như xu thế phát triển du lịch, khách sạn thế giới và khu vực, chính sách phát triển ngành du lịch, khách sạn của Việt Nam, các thông tin thời sự về tình hình phát triển của ngành kinh doanh khách sạn.
- Có ý thức thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin để ứng dụng đánh giá các vấn đề, sự kiện, hiện tượng nảy sinh trong hoạt động kinh doanh khách sạn.
- Biết, hiểu, thể hiện được vai trò trách nhiệm của các cử nhân quản trị khách sạn trong cuộc sống.
- Hiểu, phân tích, đánh giá được những tác động đa chiều giữa kinh doanh khách sạn với kinh tế, môi trường, văn hóa và xã hội để tìm ra các giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực, phát huy các tác động tích cực.
- Hiểu, phân tích, đánh giá được bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc để có được tiếp cận phù hợp trong nghiên cứu và kinh doanh khách sạn.
- Hiểu, phân tích, đánh giá được các vấn đề, giá trị, xu hướng của khách sạn trong thời kỳ mới và bối cảnh kinh tế toàn cầu.

- Nắm bắt, hiểu và triển khai các mục tiêu, kế hoạch và văn hóa doanh nghiệp khách sạn trong hoạt động của doanh nghiệp.
- Hiểu rõ mối quan hệ giữa doanh nghiệp du lịch & các cơ quan quản lý đặc biệt là với Sở và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Hiểu và thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp và không ngừng rèn luyện năng lực nghề nghiệp.
- Hình thành thói quen cập nhật kiến thức, tự học tập và nghiên cứu suốt đời.
- Quan điểm tích cực về thế giới xung quanh, công việc, gia đình và cuộc sống.
- Suy nghĩ tích cực trước những thách thức trong công việc, cuộc sống và những vấn đề của xã hội. Tích cực vươn lên làm chủ bản thân và công việc.
- Có thái độ tích cực về bảo vệ môi trường sống và thiên nhiên, di sản văn hóa và du lịch.
- Thiết lập tinh thần thượng pháp luật và đạo đức kinh doanh; hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm mọi hành vi ứng xử với khách hàng, đối tác, đồng nghiệp và công đồng.

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị khách sạn:

- Chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và khách sạn;
- Nhân viên hoặc cán bộ tổ chức, quản lý, điều hành và triển khai hoạt động trong các khách sạn, nhà hàng và các đơn vị dịch vụ khác;
- Nghiên cứu khoa học du lịch, giảng dạy về kinh doanh khách sạn;
- Tiếp tục theo học sau đại học để trở thành những chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Quản trị khách sạn có thể tiếp tục theo học sau đại học để trở thành những chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực khách sạn tại các trường đại học trong và ngoài nước.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960 /QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu:

1.1. Tên ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành **Mã ngành:** 52340103

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có:

- Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; thái độ làm việc trách nhiệm, độc lập và hòa đồng với tập thể; yêu nước và tự hào dân tộc; có khả năng làm việc trong môi trường có yếu tố nước ngoài.
- Kiến thức: nắm vững những kiến thức cơ bản của khoa học quản lý, quản trị kinh doanh, kinh doanh du lịch (văn hóa du lịch, địa lý du lịch, kinh tế du lịch, quản trị doanh nghiệp du lịch...) cũng như những kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực khác nhau của hoạt động kinh doanh du lịch như quản trị khách sạn, quản trị lữ hành, quản trị sự kiện...
- Khả năng thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ cơ bản trong các đơn vị kinh doanh du lịch và các đơn vị dịch vụ khác; tham gia điều chỉnh và thực hiện các chiến lược, dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như các chính sách tại các cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch.
- Khả năng thực hiện các nghiên cứu độc lập có tính thực tiễn trong du lịch, tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy về du lịch.
- Thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành:

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

❖ ***Kiến thức chung:***

- Kiến thức về kinh tế trong lĩnh vực du lịch.
- Kiến thức về quản trị.
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

❖ ***Kiến thức chuyên môn:***

- Kiến thức du lịch, lữ hành.
- Kiến thức về hướng dẫn tour du lịch.
- Kiến thức về vận hành & quản trị kinh doanh du lịch & lữ hành.

- Kiến thức về quản trị dịch vụ du lịch.
- Kiến thức văn hóa & lịch sử và những vấn đề đương đại của Việt Nam và thế giới.
- Kiến thức quản trị nguồn nhân lực trong du lịch, bảo tồn di sản trong du lịch, tâm lý du khách.

2.2. Về kỹ năng

❖ ***Kỹ năng chung***

- Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý.
- Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc.
- Học và tự học, tự nghiên cứu suốt đời.
- Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.
- Làm việc theo nhóm
- Trung thực, tin cậy và trách nhiệm khi thực hiện các công việc của ngành kinh doanh khách sạn.
- Có hành vi chuyên nghiệp trong các hoạt động hành chính.
- Có kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc.
- Có khả năng điều hành và đánh giá hoạt động của công việc.
- Biết chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ của ngành.
- Có khả năng đàm phán, thuyết phục đối với tập thể và cá nhân.
- Kỹ năng giao tiếp.
- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.
- Sử dụng thành thạo máy tính và các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện các công việc đặc thù của ngành.

❖ ***Kỹ năng chuyên môn***

- Khả năng lập kế hoạch, đặt mục tiêu, định hướng hành động cho nghề nghiệp bản thân trong tương lai và trong ngành du lịch.
- Biết sắp xếp, giám sát, điều hành công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất; đồng thời vận dụng được kỹ năng thực hành hướng dẫn, tổ chức sự kiện.
- Xác định đúng trình độ và năng lực của bản thân.
- Thành thạo kỹ năng làm việc độc lập và thành công trong các cơ quan quản lý Nhà nước cũng như các đơn vị kinh doanh của ngành du lịch. Tự khẳng định năng lực và phẩm chất của mình trong tập thể, trong tổ chức.
- Tạo dựng được mối quan hệ với đồng nghiệp và đối tác trong và ngoài ngành. Phân loại và tiếp cận được người tiêu dùng du lịch, có khả năng thuyết phục và chia sẻ với khách hàng.

- Vận dụng được linh hoạt kiến thức vào điều kiện thực tế công việc như xây dựng, tổ chức chương trình du lịch, điều hành chương trình du lịch, quản trị buồng phòng…
- Có kỹ năng tìm tòi, phát hiện, điều chỉnh, phát triển, sáng tạo cái mới, tạo động lực cho bản thân luôn phát triển.
- Có khả năng cập nhật, ứng dụng công nghệ thông tin trong nghề nghiệp. Có kỹ năng tin học văn phòng tương đương trình độ B, sử dụng thành thạo các phần mềm phục vụ chuyên ngành du lịch như Photoshop, SMILE, các phần mềm đặt giữ chỗ…
- Sử dụng linh hoạt ngoại ngữ chuyên ngành du lịch, lữ hành, khách sạn, sự kiện.
- Kỹ năng lập luận, tư duy và giải quyết vấn đề trong ngành du lịch.
- Có tư duy logic, xác định vấn đề ưu tiên, nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau để đánh giá hiện tượng một cách toàn diện nhất và tìm được giải pháp tối ưu và phù hợp cho vấn đề.
- Có khả năng xây dựng giải pháp và khuyến nghị để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý, kinh doanh du lịch.
- Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức du lịch.
- Có kỹ năng phát hiện vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề trong lĩnh vực du lịch như du lịch và kinh tế, xã hội, chính trị ….
- Luôn cập nhật thông tin về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực du lịch cũng như xu hướng, chính sách phát triển du lịch trong và ngoài nước.
- Có ý thức thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin để ứng dụng vào giải quyết những vấn đề, sự kiện nảy sinh trong hoạt động du lịch.
- Kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn nghề nghiệp du lịch.
- Thể hiện được vai trò trách nhiệm của các cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trong cuộc sống.
- Phân tích, đánh giá được tác động đa chiều của hoạt động du lịch lên môi trường, văn hóa, xã hội để tìm ra giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và tăng tác động tích cực của du lịch lên các nhóm yếu tố này.
- Đánh giá được bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc để tiếp cận phù hợp trong nghiên cứu và kinh doanh du lịch.
- Hiểu, phân tích, đánh giá được các vấn đề, giá trị và xu hướng của du lịch trong thời kỳ mới và bối cảnh kinh tế toàn cầu.
- Áp dụng thành thạo kỹ năng quản lý thời gian trong các hoạt động đa dạng của ngành.
- Thích ứng với sự phức tạp của thực tiễn nghề nghiệp du lịch.
- Phân tích được hành vi ứng xử, kỹ năng của các đối tượng giao tiếp, làm việc trong các lĩnh vực khác nhau của ngành.
- Áp dụng linh hoạt việc hình thành nhóm làm việc hiệu quả; biết duy trì và phát triển hoạt động nhóm.
- Làm việc linh hoạt với các nhóm khách hàng, đồng nghiệp, đối tác đa dạng và phức tạp.

- Hiểu và áp dụng linh hoạt quy trình, xây dựng kế hoạch làm việc.
- Nhận biết và lựa chọn nguồn lực đúng đắn để thực hiện công việc.
- Tổ chức thực hiện công việc thông qua sự điều khiển, phân công trong nhóm và tập thể.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá và đánh giá quá trình thực hiện công việc.
- Áp dụng linh hoạt kỹ năng lập luận, sắp xếp ý tưởng khi xây dựng bài thuyết minh hướng dẫn hay khi lập kế hoạch, dự án kinh doanh trong ngành du lịch.
- Áp dụng linh hoạt, sáng tạo khi giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ với khách hàng, đồng nghiệp, và đối tác trong thực tiễn nghề.
- Áp dụng linh hoạt các kỹ năng giao tiếp kinh doanh qua thư điện tử và các phương tiện truyền thông.
- Sử dụng thành thạo kỹ năng thuyết trình trước khách hàng, đồng nghiệp và đối tác.
- Kỹ năng xử lý các vấn đề đa văn hóa trong thực tiễn nghề du lịch.
- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.
- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.
- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Quan điểm tích cực về thế giới xung quanh, công việc, gia đình và cuộc sống.
- Suy nghĩ tích cực trước những thách thức trong công việc, cuộc sống và những vấn đề của xã hội. Tích cực vươn lên làm chủ bản thân và công việc.
- Có thái độ tích cực về bảo vệ môi trường sống và thiên nhiên, di sản văn hóa và du lịch.
- Thiết lập tinh thần thượng pháp luật và đạo đức kinh doanh; hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm mọi hành vi ứng xử với khách hàng, đối tác, đồng nghiệp và công đồng.
- Có tinh thần cầu tiến, không ngừng học hỏi nâng cao trình độ kiến thức và chuyên môn nhằm làm tăng giá trị của bản thân đối với nơi làm việc, công đồng và xã hội.

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành:

- Chuyên viên trong các cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch.

- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên hoặc cán bộ tổ chức, quản lý, điều hành và triển khai hoạt động trong các công ty lữ hành, vận chuyển, tổ chức sự kiện và các đơn vị dịch vụ khác.
- Nghiên cứu viên về khoa học du lịch.
- Giảng viên giảng dạy về du lịch.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có thể tiếp tục theo học sau đại học để trở thành những chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực du lịch: có thể học cao học chương trình thạc sĩ Du lịch tại khoa Du lịch học, hoặc chuyển đổi để học thạc sĩ Văn hóa Nghệ thuật, thạc sĩ Việt Nam học, thạc sĩ Quản trị kinh doanh, thạc sĩ Du lịch tại tại các trường đại học nước ngoài…

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960 /QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu:

1.1. Tên ngành đào tạo: Kỹ thuật điện tử - viễn thông **Mã ngành:** 7520207

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông đào tạo kỹ sư có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có năng lực chuyên môn đáp ứng được các yêu cầu của nhà tuyển dụng và yêu cầu **hội nhập quốc tế,** sẵn sàng làm việc trong các cơ sở nghiên cứu, sản xuất, thương mại và dịch vụ. Người học được trang bị các kiến thức cơ sở vững vàng, có khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật, có khả năng **phát triển nghiên cứu về ngành điện tử - viễn thông**, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông:

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

❖ ***Kiến thức chung:***

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật đại cương, thể chất, quốc phòng - an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.
- Hiểu và áp dụng được các kiến thức cơ sở toán, vật lý, tin học để mô tả, tính toán, mô phỏng và giải quyết các vấn đề trong kỹ thuật, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và có thể học tập ở trình độ cao hơn.

❖ ***Kiến thức chuyên môn:***

- Phân tích nguyên lý hoạt động của mạch dao động, mạch điều chế, giải điều chế, mạch lọc, mạch thu phát sóng FM, AM...
- Vận hành tốt các hệ thống thông tin di động, tổng đài điện thoại số, truyền hình vệ tinh, truyền hình cáp, thông tin quang, mạng internet....
- Thiết kế và thi công được các mạch điện tử như mạch khuếch đại, mạch điều khiển công suất và thiết bị điều khiển tự động trên nền tảng vi điều khiển 8051, AVR, PIC, ARM,…

2.2. Về kỹ năng

❖ ***Kỹ năng chung***

- Thể hiện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả trong các nhóm liên ngành để hoàn thành một mục đích chung.
- Thể hiện kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và trong công việc để có thể đọc hiểu các tài liệu kỹ thuật điện tử - viễn thông bằng tiếng Anh chuyên ngành.
- Thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kết hợp với các công cụ máy tính và ngôn ngữ lập trình để giải quyết các vấn đề kỹ thuật điện tử - viễn thông.
- Thể hiện khả năng áp dụng các kiến thức khoa học cơ bản, kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành trong phân tích và lập luận kỹ thuật giải quyết vấn đề.
- Thể hiện khả năng thiết kế và tiến hành các thí nghiệm cũng như phân tích và giải thích dữ liệu.
- Thể hiện tư duy toàn diện và suy nghĩ mức hệ thống.

❖ ***Kỹ năng chuyên môn***

- Thể hiện năng lực nhận biết vấn đề và hình thành ý tưởng giải pháp kỹ thuật, tham gia xây dựng dự án trong các đề án kỹ thuật điện tử - viễn thông.
- Thể hiện năng lực tham gia thiết kế hệ thống, quá trình, sản phẩm và đưa ra các giải pháp kỹ thuật có liên quan đến lĩnh vực thiết bị điện tử, hệ thống thông tin, viễn thông.
- Thể hiện năng lực vận hành, sử dụng và khai thác thiết bị điện tử, hệ thống viễn thông hữu tuyến và vô tuyến.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Hiểu và thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp và không ngừng rèn luyện năng lực nghề nghiệp.
- Hình thành thói quen cập nhật kiến thức, tự học tập và nghiên cứu suốt đời.

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp về thông tin - truyền thông, khoa học - công nghệ.
- Làm việc tại các Tập đoàn, Tổng công ty về lĩnh vực viễn thông: VNPT, Viettel, Mobifone, FPT Telecom, VTC, Tổng công ty Hàng không Việt Nam,… và các công ty, đơn vị thành viên: Công ty Điện toán và truyền số liệu, Công ty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế.
- Làm việc tại Đài truyền hình, đài phát thanh, từ Trung ương đến địa phương; các công ty Truyền hình cáp.
- Làm việc tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin như: FPT Software, TMA Solutions,…
- Làm việc tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, cung cấp thiết bị điện tử, máy tính, viễn thông;
- Làm việc ở các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĂN HIẾN

- Tham gia các chương trình đào tạo Cao học ngành Kỹ thuật điện tử truyền thông trong và ngoài nước;
- Tích lũy kinh nghiệm và kiến thức để trở thành kỹ sư trưởng hoặc giám đốc kỹ thuật tại các doanh nghiệp chuyên ngành;
- Thực hiện được các nghiên cứu thiết kế về lĩnh vực kỹ thuật điện tử, truyền thông

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

- Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chuẩn đầu ra ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông của một số trường đại học ở Việt Nam: Trường Đại học Công nghệ - Đại Học Quốc Gia Hà Nội, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Thái Nguyên và các trường đại học nước ngoài như: Anh, Mỹ, Pháp, Canada, Thái Lan và Singapore.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1960 /QĐ-ĐHVH, ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

1. Giới thiệu:

1.1. Tên ngành đào tạo: Công nghệ thông tin **Mã ngành:** 7480201

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Mục tiêu đào tạo:

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin đào tạo cử nhân ngành Công nghệ thông tin có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và sức khỏe tốt. Sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực cơ bản, chuyên sâu về phần cứng lẫn phần mềm; những kỹ năng thực hành thực tế phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, xây dựng phần mềm tác nghiệp, quản trị hạ tầng cơ sở về công nghệ thông tin tại các cơ quan và giảng dạy.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin:

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Về kiến thức

❖ ***Kiến thức chung:***

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật đại cương, thể chất, quốc phòng - an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.
- Áp dụng kiến thức về Toán, khoa học, kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, chính trị, văn hoá, luật pháp, quản lý, kinh doanh, môi trường và con người vào ngành CNTT.

❖ ***Kiến thức chuyên môn:***

- Thiết kế và thử nghiệm các phần mềm về hệ thống, phân tích và xử lý thông tin
- Phân tích, đánh giá và tư vấn cho người sử dụng về yêu cầu đối với sản phẩm nhằm mang lại lợi ích tối đa cho người sử dụng.
- Thiết kế, xây dựng, vận hành và cải tiến các hệ thống phần mềm và hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu người dùng và phù hợp với lợi ích chung của xã hội
- Phát triển các ứng dụng quản lý doanh nghiệp và hệ thống phần mềm Công nghệ thông tin phù hợp với mô hình quản lý của từng công ty
- Áp dụng các phương pháp mã hóa và giải mã thông tin trong việc bảo mật thông tin cho hệ thống
- Đánh giá được các rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến hệ thống
- Thiết kế các phương án phòng tránh rủi ro về tấn công xâm nhập trái phép vào hệ thống

- Thiết kế và thi công hệ thống mạng cho các doanh nghiệp
- Quản trị các dịch vụ vận hành trên hệ thống mạng

2.2. Về kỹ năng

❖ ***Kỹ năng chung***

- Thể hiện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả trong các nhóm liên ngành để hoàn thành một mục đích chung.
- Thể hiện kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và trong công việc để có thể đọc hiểu các tài liệu công nghệ thông tin bằng tiếng Anh chuyên ngành.
- Thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kết hợp với các công cụ máy tính và ngôn ngữ lập trình để giải quyết các vấn đề công nghệ thông tin.
- Thể hiện khả năng áp dụng các kiến thức khoa học cơ bản, kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành trong phân tích và lập luận kỹ thuật giải quyết vấn đề.
- Thể hiện khả năng thiết kế và tiến hành các thí nghiệm cũng như phân tích và giải thích dữ liệu.
- Thể hiện tư duy toàn diện và suy nghĩ mức hệ thống.

❖ ***Kỹ năng chuyên môn***

- Vận dụng tốt tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong các bối cảnh đa dạng.
- Phối hợp tốt với nhóm cả trong vai trò là một nhà lãnh đạo hay một thành viên trong nhóm
- Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hoá và sử dụng thông thạo tiếng Anh
- Sử dụng thành thạo các cộng nghệ, công cụ lập trình hiện đại, làm chủ được các hệ quản trị cơ sở dữ liệu
- Sử dụng các phương pháp điều tra, khảo sát, và nghiên cứu thường dùng trong ngành CNTT để phát hiện và nghiên cứu về các vấn đề của ngành đáp ứng mục tiêu đề ra.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Hiểu và thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp và không ngừng rèn luyện năng lực nghề nghiệp.
- Hình thành thói quen cập nhật kiến thức, tự học tập và nghiên cứu suốt đời.
- Tuân thủ pháp luật và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.
- Định hướng tương lai rõ ràng, có tinh thần khởi nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Làm việc ở bộ phận CNTT hoặc ứng dụng CNTT của các đơn vị có nhu cầu (hành chính sự nghiệp, viễn thông, điện lực, ngân hàng, tài chính, thương mại, …).
- Làm việc trong các công ty sản xuất, gia công phần mềm trong nước cũng như nước ngoài.

DỤC V
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
VĂN HIẾ

- Làm việc trong các công ty tư vấn về đề xuất giải pháp, xây dựng và bảo trì các hệ thống thông tin, hệ thống mạng và truyền thông.
- Giảng dạy CNTT tại các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Dạy nghề và các trường Phổ thông (cần thêm chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm).

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học để hoàn thiện, bổ sung, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ công nghệ thông tin.
- Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sỹ, Tiến sỹ.

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

- Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010 về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chuẩn đầu ra ngành CNTT của một số trường đại học ở Việt Nam.
- Website của Hiệp hội máy tính Hoa Kỳ http://www.acm.org/
- Chuẩn kỹ sư tin học của Hiệp hội phần mềm Nhật Bản.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN